



Thỏa Thuận FBS

Thỏa Thuận FBS này bao gồm các điều khoản và điều kiện của tất cả các điều khoản dịch vụ của Công Ty tại các thị trường tài chính và các công cụ tài chính dù được giới thiệu hoặc không được giới thiệu trên thị trường theo phân bổ. Thỏa Thuận FBS được cung cấp bởi FBS Markets Inc; Đăng ký số 119717. Các hoạt động của FBS Markets Inc được quy định bởi IFSC, giấy phép IFSC/60/230/TS/18; Địa chỉ: Số 1 Orchid Garden Street, Belmopan, Belize, C.A

Các thỏa thuận sau đây là một phần gắn liền trong Thỏa thuận FBS:

1. [Thỏa Thuận Khách hàng](#)
2. [Thỏa Thuận Đối Tác](#)
3. [Thỏa Thuận CopyTrade](#)
4. [Thuật Ngữ và Khái Niệm Chung](#)
5. Các văn bản áp dụng khác được đề cập trong các Thỏa thuận này hoặc trong mục «Thông tin» trên trang Web của Công Ty và trong Khu Vực Cá Nhân.

Khách Hàng của Công Ty cần đọc kỹ Thỏa Thuận FBS này bởi vì chúng điều chỉnh các điều kiện về các hoạt động giao dịch và phí giao dịch của Khách Hàng cùng với tất cả các mối quan hệ giữa Khách Hàng và Công Ty nói chung. Khi cung cấp dữ liệu đăng ký trên trang web hoặc trong ứng dụng di động và tạo Khu Vực Cá Nhân trên trang web của Công Ty, Khách Hàng xác nhận và cam đoan rằng đã tìm hiểu tất cả điều khoản trong Thỏa Thuận FBS này, đã hiểu rõ ý nghĩa của chúng và chấp nhận chúng vô điều kiện, cũng như đối với các thỏa thuận, chính sách và văn bản khác của Công Ty được đề cập đến trong văn bản này. Các quy tắc và nguyên tắc về việc sử dụng và bảo vệ dữ liệu cá nhân của Khách Hàng được quy định theo Chính Sách Bảo Mật của Công Ty..

Thỏa Thuận Khách hàng

1. Thỏa thuận khách hàng

1.1. Thỏa thuận này quy định các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ của Công ty. Công ty cung cấp các dịch vụ sau cho Khách hàng: thực hiện các hoạt động trong thị trường tài chính, thực hiện các giao dịch với các công cụ tài chính có hoặc không có trên thị trường có tổ chức.

Thỏa thuận này cũng quy định thứ tự thanh toán giữa các bên, liên quan tới việc cung cấp những dịch vụ nói trên. Với việc chấp nhận Thỏa thuận này, Khách hàng phải đảm bảo những điều sau:

1.1.1. Trong trường hợp Khách hàng cá nhân, cá nhân này phải đủ tuổi chịu trách nhiệm pháp lý. Trong trường hợp Khách hàng là một pháp nhân, chủ thể này phải có đủ các năng lực và không ai ngoại trừ Khách hàng có bất kỳ quyền đòi hỏi hay nghĩa vụ liên quan đến giao dịch thực hiện trong tài khoản giao dịch của Khách hàng.

1.1.2. Tất cả các giao dịch trên tài khoản giao dịch của Khách hàng được thực hiện tuân theo những quy định của Thỏa thuận này.

1.1.3. Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi hay sửa đổi nào đối với dữ liệu cá nhân hoặc các giấy tờ tùy thân hết hiệu lực, Khách Hàng có nghĩa vụ thông báo cho Công Ty trong vòng 3 ngày làm việc về những sự thay đổi/hết hạn nêu trên. Thông báo này phải được gửi qua email và có nêu rõ họ tên, (các) số tài khoản, số điện thoại, số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu hợp lệ của Khách Hàng kèm theo bằng chứng gần đây về địa chỉ thường trú;. Thông báo trên phải là văn bản scan, có chữ ký và gửi đến địa chỉ support@fbs.com bằng email mà Khách Hàng đã cung cấp trong quá trình đăng ký tài khoản của mình. Công Ty có quyền yêu cầu cung cấp các giấy tờ xác minh khác nhằm xác minh danh tính của Khách Hàng và tuân thủ các quy định hiện hành để biết rõ khách hàng. Bất kỳ sự chậm trễ hoặc không tuân thủ điều khoản này sẽ đồng nghĩa với việc Khách Hàng vi phạm các Thỏa Thuận này và có thể dẫn đến việc đóng (các) tài khoản của Khách Hàng.

- Trong trường hợp Khách hàng là một cá nhân, Khách hàng có thể nộp đơn đăng ký cá nhân trực tiếp.

- Nếu là một pháp nhân, biểu mẫu được gửi cho người phụ trách.

1.2. Tuyên Bố Của Khách Hàng.

1.2.1. Khách Hàng tuyên bố và đảm bảo rằng mình được tự do tham gia vào Thỏa Thuận này, nhằm thực hiện theo mỗi điều khoản và thỏa thuận được nêu tại đây và rằng khách hàng không bị giới hạn hoặc cấm về mặt hợp đồng, hay nói cách khác là không bị cấm tham gia hay thực hiện theo Thỏa Thuận này; và rằng việc tiến hành và thực hiện theo Thỏa Thuận này không phải là sự vi phạm hay phá vỡ thỏa thuận nào khác giữa Công Ty và một người hay pháp nhân khác.

1.2.2. Khách Hàng hiểu và đồng ý công khai rằng Công Ty sẽ thực thi quyền giám sát hoạt động của Khách Hàng và xác minh tính trung thực trong hành vi và các hoạt động giao dịch của Khách Hàng ở trên nền tảng của Công Ty.

1.2.3. Khách Hàng tuyên bố thêm rằng mình hiểu rõ toàn bộ và đồng ý với tất cả các điều khoản và điều kiện của Thỏa Thuận này.

2. Các dịch vụ của công ty

2.1. Thuật ngữ “Các dịch vụ của Công ty” dùng để chỉ bất kỳ dịch vụ tương tác hoặc phần mềm được Công ty cung cấp, cho phép Khách hàng:

- 2.1.1. Kết nối với Công ty hoặc bên thứ ba được ủy quyền, nhận thông tin và/hoặc báo giá từ bên thứ ba được ủy quyền;
- 2.1.2. Thực hiện các giao dịch trên các thị trường tài chính thông qua Công ty bằng phần mềm MetaTrader 4.0,
- 2.2. Với việc chấp nhận Thỏa thuận này, Khách hàng xác nhận đã đọc các quy tắc giao tiếp và đồng ý rằng anh/chị chỉ thực hiện lệnh qua thiết bị giao dịch và phần chat trực tuyến (live chat) của Công ty.
- 2.3. Các dịch vụ của Công Ty bao gồm gói phần mềm Metatrader 4 và Metatrader 5, các công cụ phân tích kỹ thuật và các dịch vụ của bên thứ ba khác được cung cấp kèm với các dịch vụ của Công Ty.
- 2.4. Khách hàng xác nhận rằng Công ty có thể sửa đổi, thêm, đổi tên hoặc không sửa đổi các dịch vụ của Công ty cung cấp theo như Thỏa thuận mà không cần thông báo trước. Khách hàng cũng xác nhận rằng Thỏa thuận này cũng áp dụng cho các dịch vụ có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc sửa tên trong tương lai ngoài các dịch vụ Công ty cung cấp hiện tại.
- 2.5. Công ty chỉ thực hiện các giao dịch chứ không cung cấp dịch vụ về quản lý hoặc khuyến nghị liên quan tới tài sản.
- 2.6. Công ty không chịu trách nhiệm về những điều sau (trừ khi được quy định trong Thỏa thuận này):
- 2.6.1. Theo dõi tình trạng giao dịch của Khách hàng và thông báo cho Khách hàng;
- 2.6.2. Đóng bất kỳ vị trí mở nào của Khách hàng;
- 2.6.3. Cố gắng thực hiện bất kỳ lệnh nào của Khách hàng với giá khác với giá cung cấp trên sàn giao dịch MetaTrader 4
- 2.7. Các dịch vụ của Công ty không bao gồm các khuyến nghị hoặc thông tin có thể khiến Khách hàng thực hiện bất kỳ giao dịch nào. Trong một số trường hợp đặc biệt, Công ty bảo lưu quyền cung cấp thông tin, khuyến nghị hoặc tư vấn cho khách hàng, tuy nhiên trong những trường hợp này, Công ty sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ hậu quả của các khuyến nghị hay tư vấn này. Mặc dù Công ty bảo lưu quyền đóng hoặc từ chối bất kỳ vị trí nào của Khách hàng, tất cả giao dịch Khách hàng thực hiện là hậu quả của những thông tin không chuẩn xác và/hoặc sai sót sẽ vẫn có hiệu lực và bắt buộc với cả Khách hàng và Công ty.
- 2.8. Công ty không phải là một đại lý thuế và hoạt động theo pháp luật của Belize. Các bên tuân thủ các quy định thuế của họ và/hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào một cách độc lập và tự thân.
- 2.9. Công ty bảo lưu quyền từ chối Khách hàng và yêu cầu khách hàng rút khoản tiền gửi trong trường hợp các hoạt động hoặc tương tác của khách hàng với Công ty được coi là không phù hợp và/hoặc không đúng.
- 2.10. Trong một giao dịch, không có việc cung cấp thực tế về tiền hay tài sản ban đầu của một CFD (hợp đồng chênh lệch) mà tất cả lợi nhuận và thua lỗ được tính vào tài khoản giao dịch của Khách hàng ngay sau khi đóng vị trí.

3. Các lệnh và yêu cầu

- 3.1. Các thông tin chính thức đầy đủ về điều kiện giao dịch hiện tại có ở trang www.fbs.com trong mục “Điều kiện giao dịch” (Trading Conditions). Công ty bảo lưu quyền thay đổi các điều kiện giao dịch với thông báo trước như đề cập tại điều 7.3.
- 3.2. Các lệnh và yêu cầu của Khách hàng
- 3.2.1. Trong suốt quá trình giao dịch, những phương pháp thực hiện sau được áp dụng:
- 3.2.2. Phương pháp “Lệnh thị trường” – cho CFD (Hợp đồng chênh lệch) tương lai và có phiếu;
- 3.2.3. Phương pháp “Lệnh thị trường” – các công cụ giao dịch thị trường FOREX
- 3.2.4. Bất kỳ giao dịch nào của khách hàng thông qua sàn giao dịch MetaTrader 4 đều đi qua những bước như sau:

- a) Khách hàng nộp một lệnh điện tử;
- b) Thiết bị giao dịch của khách hàng gửi lệnh hoặc yêu cầu tới máy chủ;
- c) Nếu kết nối giữa thiết bị giao dịch của khách hàng và máy chủ ổn định, lệnh được nhận bởi máy chủ và được xác minh;
- d) Khi lệnh hợp lệ, lệnh sẽ được chuyển vào hàng đợi. Trong trường hợp này, tin nhắn “Xin vui lòng đợi... Server đang bắt đầu xử lý lệnh” sẽ được hiển thị tại cửa sổ “Lệnh” của Client Terminal;

- e) Máy chủ gửi lại kết quả giao dịch lệnh tới thiết bị giao dịch của khách hàng;
- f) Nếu kết nối giữa thiết bị giao dịch của khách hàng và máy chủ ổn định, thiết bị giao dịch sẽ nhận được lệnh hoặc yêu cầu kết quả đã được xử lý;

3.2.5. Khách hàng có thể hủy một lệnh đã gửi đi chỉ khi nó đang trong danh sách chờ với tính trạng “Order is accepted” (Lệnh đã được chấp nhận). Trong trường hợp này, Khách hàng phải bấm nút “Cancel order” (Hủy lệnh). Tùy vào đặc tính của Metatrader 4 mà lệnh hủy có hiệu lực hay không.

3.2.6. Trong trường hợp lệnh đã chuyển tới nhà môi giới và có tính trạng “Order is in process” (Giao dịch đang được xử lý) thì lệnh đó không thể hủy được.

3.2.7. Thời gian xử lý giao dịch tùy thuộc vào kết nối giữa thiết bị giao dịch của khách hàng và máy chủ của Công ty cũng như tình hình thị trường hiện tại. Trong thời gian giao dịch bình thường, thời gian xử lý giao dịch thường là 1 tới 5 giây. Trong điều kiện thị trường bất thường, thời gian xử lý giao dịch có thể dài hơn.

3.2.8 Trong trường hợp báo giá hiện tại của công cụ tài chính thay đổi vào thời điểm Công Ty đang xử lý yêu cầu của Khách Hàng, Công Ty có quyền sử dụng mức giá mới (Giá Bid/Ask). Trong trường hợp đó, yêu cầu của Khách Hàng sẽ được xử lý tại mức giá mới.

3.2.9. Yêu cầu của khách hàng sẽ bị từ chối trong những trường hợp sau:

- a) Trong lúc mở cửa thị trường khi lệnh được gửi trước khi sản giao dịch nhận được báo giá đầu tiên;
- b) Trong những điều kiện thị trường bất thường;
- c) Trong trường hợp Khách hàng không có đủ tiền ký quỹ. Trong trường hợp này, tin nhắn “No quote” (không có giá) hoặc “Not enough money” (Không đủ tiền) sẽ hiển thị trên sản giao dịch;
- d) Tùy thuộc vào giới hạn khối lượng lệnh tối đa và/hoặc giới hạn số lượng lệnh mở và lệnh chờ tối đa cho các loại tài khoản được nêu khi xảy ra vượt mức.
- e) Đối với các công cụ có chênh lệch cố định, hoặc các lệnh mở không chênh lệch có phí hoa hồng cố định, Công Ty có quyền thay đổi thành chế độ "Close only" (Chỉ lệnh đóng) và từ chối các yêu cầu mở lệnh mới với thông báo "Trade is disabled" (Giao dịch bị vô hiệu) trong trường hợp mức chênh lệch trên hợp đồng cơ bản vượt quá mức chênh lệch cố định hoặc số tiền hoa hồng.

3.2.10. Các phương tiện cơ bản để gửi lệnh và yêu cầu là thiết bị giao dịch. Các lệnh và yêu cầu cũng có thể được gửi qua điện thoại hoặc chat trực tuyến.

3.2.11. Trong những trường hợp đặc biệt, việc các Khách hàng khác nhau sử dụng cùng 1 địa chỉ IP có thể là cơ sở để cân nhắc tất cả các lệnh trên tất cả các tài khoản được thực hiện từ địa chỉ IP này, cũng như những lệnh được thực hiện bởi cùng 1 khách hàng.

3.2.12. Những lệnh được mở hoặc đóng bởi giá phi thị trường có thể bị hủy:

- a) Trong trường hợp lệnh này đã được mở bởi một giá phi thị trường
- b) Trong trường hợp lệnh này đã được đóng bởi một giá phi thị trường

3.2.13. Công ty không cho phép sử dụng chiến thuật chênh lệch thị trường trên những thị trường kết nối (ví dụ như tiền tệ tương lai và tiền tệ giao ngay). Trong trường hợp khách hàng sử dụng chênh lệch giá bằng bất kỳ cách thức rõ ràng hay ẩn danh nào, Công ty bảo lưu quyền hủy những lệnh đó.

3.2.14. Công ty bảo lưu quyền hủy các lệnh của Khách hàng trong trường hợp họ không tuân thủ Thỏa thuận này.

3.3. Quy trình giao dịch

3.3.1. Một lệnh mua được mở bởi giá bán (Ask price). Một lệnh bán được mở bởi giá mua (Bid price)

3.3.2. Một lệnh mua được đóng bởi giá mua. Một lệnh bán được đóng bởi giá bán.

3.3.3. Hoán đổi trạng thái. Bỏ sung/khấu trừ swap để mở các lệnh được tiến hành từ 23:59:00 đến 00:10:00, theo giờ của nền tảng giao dịch. Vì vậy phí hoán đổi swap sẽ được cộng/trừ vào tất cả các lệnh mở từ 23:59:00 đến 00:00:00, theo giờ của nền tảng giao dịch.

3.3.4 Trong trường hợp giao dịch các hợp đồng CFD mà có thời gian giao dịch giới hạn (ngày hết hạn), tất cả các lệnh được khớp trên một hợp đồng sẽ được đóng tại mức báo giá cuối cùng.

3.3.5. Trong những điều kiện thị trường bình thường, nhà môi giới giữ spread (chênh lệch) trong phạm vi quy định trong hợp đồng.

3.3.6. Spread có thể được tăng lên:

Đối với tất cả những Khách hàng Công ty mà không cần thông báo trước trong trường hợp điều kiện thị trường bất thường;

Đối với tất cả Khách hàng bắt buộc phải cập nhật hợp đồng trước về những thay đổi kỹ thuật ở website của Công ty;

Đối với tất cả Khách hàng mà không cần thông báo trước trong trường hợp bất khả kháng;

Đối với bất kỳ yêu cầu nào vượt quá khối lượng thị trường bình thường với công cụ quy định trong hợp đồng.

3.3.7. Spread trên các tài khoản giao dịch có thể được mở rộng trước, trong hoặc sau khi những tin tức kinh tế, chính trị và thông tin khác được phát hành, giữa thời gian phát hành các tin tức, vào lúc mở cửa thị trường (vào thứ 2) cũng như khi thanh khoản thị trường thấp và khi tình hình thị trường phụ thuộc vào spread cao.

3.3.8 Đối với các công cụ áp dụng spread cố định hoặc hoa hồng cố định, Công Ty có quyền nâng spread trong trường hợp chênh lệch spread trên cơ bản hợp đồng vượt quá mức spread cố định.

3.4. Mở một lệnh

3.4.1. Những thông số cần thiết để nộp một lệnh là:

Tên công cụ;

Khối lượng giao dịch;

Loại lệnh

3.4.2. Để mở một lệnh bằng thiết bị giao dịch của khách hàng mà không sử dụng một EA, Khách hàng nên bấm nút “Buy” (bán) hoặc “Sell” (mua) ngay tại lúc giá của Công ty có lợi cho mình.

3.4.3. To Để mở một lệnh bằng thiết bị giao dịch của khách hàng sử dụng một EA, lệnh nên được tạo để giao dịch tại giá hiện tại.

3.4.4. Xử lý lệnh cho các lệnh mở

a) Khi lệnh mở 1 vị trí của khách hàng tới máy chủ, lệnh kiểm tra tự động Free Margin (số tiền có thể giao dịch tiếp) được tiến hành. Trong trường hợp ký quỹ đủ, lệnh sẽ được mở. Nếu ký quỹ không đủ, lệnh sẽ không được mở, và thông báo về việc thiếu quỹ sẽ được tạo trên máy chủ.

b) Trong trường hợp sử dụng công cụ giao dịch “Market execution” (Lệnh thị trường) giá mở lệnh có thể khác giá được yêu cầu.

c) Thông báo lệnh mở xuất hiện trên file lịch sử giao dịch của máy chủ tuyên bố rằng yêu cầu của Khách hàng đã được xử lý và lệnh đã được mở. Mỗi lệnh mở trên sàn giao dịch nhận được 1 mã xác nhận.

d) Một lệnh để mở một vị trí đã được nộp để xử lý trước khi giá đầu tiên xuất hiện trên sàn giao dịch khi sàn mở cửa sẽ bị từ chối trong trường hợp trên cửa sổ thiết bị giao dịch của khách hàng xuất hiện “No quote/trading is forbidden” (Không có giá/Việc giao dịch bị cấm). Trong trường

hợp Nhà môi giới vô tình xử lý lệnh mở của Khách hàng tại giá đóng của ngày hôm trước, Công ty sẽ hủy lệnh đó và sẽ liên hệ để thông báo cho Khách hàng.

3.5. Đóng lệnh

3.5.1. Để đóng lệnh bằng thiết bị giao dịch của khách hàng mà không sử dụng một EA, Khách hàng nên bấm nút “Close” (đóng) ngay lúc giá của Công ty có lợi cho khách hàng.

3.5.2. Để đóng lệnh sử dụng một EA, một lệnh sẽ được tạo ra để đóng lệnh ở giá hiện tại.

3.5.3. Các lệnh “Stop Loss” và/hoặc “Take Profit” có thể được dùng để đóng lệnh.

3.5.4. Xử lý lệnh để đóng một vị trí

a) Nếu trong danh sách các lệnh mở của một tài khoản giao dịch có hai hoặc nhiều hơn vị trí bị khóa thì khi tạo yêu cầu hoặc lệnh để đóng bất kỳ vị trí nào, lựa chọn “Close by” sẽ xuất hiện trên danh sách “Type”. Sau khi chọn, một hoặc một vài vị trí mở ở hướng ngược lại sẽ xuất hiện. Sau khi đánh dấu những vị trí cần thiết từ danh sách, nút “Close#...by#...” được kích hoạt. Bằng việc bấm nút này, Khách hàng đóng những vị trí khóa có cùng khối lượng hoặc phần nào đóng hai vị trí khóa khác khối lượng. Trong trường hợp này, một vị trí nhỏ hơn và một phần đối xứng của 1 vị trí lớn hơn sẽ đóng, và 1 vị trí mới là khoản chênh lệch của vị trí lớn hơn sẽ vẫn mở và vị trí này sẽ nhận được 1 mã xác nhận mới.

b) Nếu trong danh sách lệnh mở của một tài khoản giao dịch có hai hoặc nhiều hơn vị trí bị khóa thì khi tạo yêu cầu hoặc lệnh để đóng bất kỳ vị trí nào, lựa chọn “Multiple close by” xuất hiện trên danh sách “Type”. Sau khi chọn, một danh sách tất cả vị trí của công cụ trên sẽ xuất hiện và nút “Multiple Close By for...” được kích hoạt. Bằng việc bấm nút này, Khách hàng đóng tất cả các vị trí bị khóa của công cụ. Trong trường hợp này, những vị trí mới của một khối lượng lớn hơn vẫn mở và nhận được 1 mã xác nhận mới. Chú ý: chức năng “Close by” và “Multiple Close By” không có tác dụng cho công cụ có stock spread trôi nổi.

c) Khi thông báo về việc đóng một vị trí xuất hiện trên log-file, lệnh đóng vị trí của Khách hàng đã được xử lý.

d) Nếu một lệnh đóng một vị trí đã được nộp để xử lý trước khi giá đầu tiên xuất hiện trên sàn giao dịch vào lúc mở cửa thị trường, lệnh đó sẽ bị Nhà môi giới từ chối. Trên cửa sổ thiết bị giao dịch của khách hàng, tin nhắn “No price” (không có giá) sẽ xuất hiện. Công ty có quyền hủy giao dịch khi Người môi giới vô tình xử lý lệnh đóng 1 vị trí của khách hàng tại giá đóng của ngày hôm trước. Trong trường hợp này, Công ty sẽ liên hệ để thông báo với Khách hàng.

e) Nếu sử dụng “Market execution” (Lệnh thị trường), giá đóng lệnh có thể khác với giá được yêu cầu..

3.6. Bắt buộc đóng vị trí.

3.6.1. Nếu Margin level thấp hơn 40% trên tài khoản của khách hàng, bạn sẽ bị margin call (báo thiếu tiền ký quỹ). Công ty có quyền nhưng sẽ không đóng vị trí của Khách hàng. Quyết định đóng vị trí của Khách hàng là tùy thuộc vào máy chủ.

3.6.2. Công ty có quyền đóng bắt buộc các vị trí mở của Khách hàng mà không cần thông báo trước nếu Margin level thấp hơn 20% margin cần thiết để duy trì các vị trí mở.

3.6.3. Số dư tài khoản hiện tại được kiểm soát bởi máy chủ, trong trường hợp thực hiện mục 3.6.2. của Thỏa thuận này sẽ tạo ra một lệnh dừng (Stop out). Lệnh dừng được thực hiện tại giá thị trường hiện tại khi lệnh khách hàng bị dừng. Việc bắt buộc đóng vị trí sẽ được ghi lại trong file lịch sử giao dịch của máy chủ là “stop out”.

3.6.4. Trong trường hợp thực hiện các điều kiện ở mục 3.6.2 của Thỏa thuận này, nếu Khách hàng có vài vị trí mở, vị trí đầu tiên bị đóng là vị trí có floating loss (lỗ thả nổi) lớn nhất.

3.6.5. Trong trường hợp bắt buộc phải đóng vị trí, tài khoản Khách hàng có số dư âm, khoản tiền bồi thường sẽ được thêm vào tài khoản và làm cho số dư tài khoản về mức 0. Tuy nhiên trong một số trường hợp đặc biệt (khi Công ty coi hành động của khách hàng là cố tình), Công ty bảo lưu quyền đòi nợ từ Khách hàng.

3.6.6. Trong trường hợp Công ty có lý do để tin rằng một khách hàng hoạt động tại hai hoặc nhiều tài khoản với thông tin đăng ký khác nhau (ví dụ như mở lệnh đối nghịch trên cùng công cụ giao dịch mà được để mở suốt cuối tuần hoặc trong khoảng thời gian giữa các phiên giao dịch), FBS có quyền khấu trừ các khoản lỗ vượt quá số dư của một tài khoản từ các quỹ của một tài khoản khác thuộc về khách hàng.

3.6.7. Trong trường hợp tài khoản của khách hàng xuất hiện Số Dư cố định, tiền quỹ bồi thường của công ty sẽ được trích từ tổng phí hoa hồng Cashback phải trả trong ngày hiện tại.

3.7. Thay đổi đòn bẩy

3.7.1. Thay đổi đòn bẩy của Khách hàng chỉ có thể thay đổi 1 lần trong vòng 24h. Vì lý do bảo mật những giao dịch mà Khách hàng thực hiện, đòn bẩy sẽ không thể thay đổi nếu tài khoản đang trong chế độ giao dịch (có những lệnh mở).

3.7.2. Công ty có quyền thay đổi đòn bẩy ở tài khoản của Khách hàng bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo trước dựa vào giới hạn đòn bẩy (tùy thuộc vào lượng Equity theo như Bảng 1) và không cần thông báo trước theo mục 7.3.

3.7.3. Công ty có quyền áp dụng mục 3.7.2 đối với những vị trí đã mở cũng như những vị trí mở lại.

Đòn bẩy	Giới hạn lên tới	
1:3000	\$200 (US dollars)	€200 (euro)
1:2000	\$2000 (US dollars)	€2000 (euro)
1:1000	\$5000 (US dollars)	€5000 (euro)
1:500	\$30000 (US dollars)	€30000 (euro)
1:200	\$150000 (US dollars)	€150000 (euro)
1:100	Không có giới hạn	Không có giới hạn
1:50	Không có giới hạn	Không có giới hạn

3.7.4. Để giảm thiểu các rủi ro cho Khách hàng tại thời điểm mở cửa thị trường vào Thứ Hai, trong trường hợp khách hàng duy trì việc mở lệnh qua tuần, Công ty có quyền giảm đòn bẩy và thay đổi yêu cầu ký quỹ trong nhiều lần.

3.7.5. Đòn bẩy đối với giao dịch Kim Loại, CFD và Tiền Mã Hoá cho các tài khoản giao dịch được thiết lập là:

- 1:333 đối với Kim Loại;
- 1:100 đối với CFD;
- 1:3 đối với Tiền Mã Hoá.

4. Mô tả Lệnh

4.1. Các loại lệnh trên sàn giao dịch của FBS Trader

4.1.1. Những loại lệnh sau để mở một vị trí (lệnh chờ) sẽ có ở sàn giao dịch FBS Trader:

- “Buy Stop” – kỳ vọng mở 1 vị trí mua với giá đặt lệnh cao hơn giá hiện tại;
- “Sell Stop” – kỳ vọng mở 1 vị trí bán với giá đặt lệnh thấp hơn giá hiện tại;

- c) “Buy Limit” – hy vọng sẽ mở một vị trí để mua tại một báo giá thấp hơn so với hiện hành tại thời điểm này của vị trí đặt hàng;
- d) “Sell Limit” – kỳ vọng mở 1 vị trí mua với giá đặt lệnh cao hơn giá hiện tại;
- e) “Stop Loss” – kỳ vọng đóng 1 vị trí đã mở trước đó tại giá kém lợi nhuận hơn cho Khách hàng so với giá hiện tại;
- f) “Take Profit” – kỳ vọng đóng 1 vị trí đã mở trước đó tại giá có lợi hơn cho Khách hàng so với giá hiện tại.

4.2. Thời gian thay thế và thời gian hiệu lực của lệnh

4.2.1. Việc đặt, sửa hoặc hủy lệnh bởi Khách hàng sẽ được thực hiện chỉ trong quá trình giao dịch với những công cụ đã được quy định. Thời gian giao dịch cho mỗi công cụ được nêu rõ trong đặc tính kỹ thuật của công cụ.

4.2.2. Nếu những tình huống thị trường bất thường xảy ra, việc giao dịch bằng 1 công cụ bất kỳ có thể bắt buộc bị dừng cho tới khi nguyên nhân của việc đóng được loại trừ.

4.2.3. Tất cả các lệnh chờ cũng như lệnh “Stop Loss” và “Take Profit” của các công cụ tài chính có trạng thái GTS (“Good till Cancelled”) và được chấp nhận trong thời gian vô hạn. Khách hàng có quyền tự đặt ngày và ngày hết hạn của lệnh, điền ngày và thời gian trong phần “Expiry”.

4.3. Quy định đặt lệnh

4.3.1. Khi Khách hàng đặt lệnh chờ, những thông số sau cần được xác định:

- a) Tên công cụ;
- b) Khối lượng;
- c) Loại lệnh (Buy Stop, Buy Limit, Sell Stop, Sell Limit);
- d) Mức lệnh

4.3.2. Ngoài các thông số được xác định trong Lệnh khách hàng, các thông số tùy chọn sau có thể được ghi trong lệnh:

- a) Mức Cắt lỗ của 1 lệnh chờ. Giá trị 0.0000 có nghĩa là Cắt lỗ không được đặt (hoặc đã bị xóa nếu đã được nộp trước đó).
- b) Mức Chốt lời của 1 lệnh chờ. Giá trị 0.0000 có nghĩa là Chốt lời không được đặt (hoặc đã bị xóa nếu đã được nộp trước đó).
- c) Ngày và thời gian có hiệu lực của 1 lệnh chờ.

4.3.3. Máy chủ giao dịch có thể từ chối 1 lệnh trong những trường hợp sau:

- a) Nếu thiếu hoặc điền sai giá trị của 1 hoặc 1 vài thông số bắt buộc;
- b) Trong trường hợp đó nếu lệnh chờ được đặt bởi thiết bị giao dịch khách hàng mà không sử dụng EA, tin nhắn “Invalid S/L or T/P” (Dừng lỗ và Chốt lời không hợp lệ) sẽ xuất hiện.

4.3.4. Khi Khách hàng nộp 1 lệnh “Stop Loss” và “Take Profit” cho những vị trí mở, những thông số sau cần được xác định:

- a) Mã xác nhận của vị trí mở được đặt lệnh;
- b) Mức lệnh “Stop Loss”. Giá trị 0.0000 có nghĩa là lệnh “Stop Loss” không được đặt (hoặc đã bị xóa nếu đã được nộp trước đó).
- c) Mức lệnh “Take Profit”. Giá trị 0.0000 có nghĩa là lệnh “Stop Loss” không được đặt (hoặc đã bị xóa nếu đã được nộp trước đó).

4.3.5. Tất cả các loại lệnh sẽ được đặt cách giá thị trường hiện tại không nhỏ hơn một số lượng điểm đã định. Khoảng cách nhỏ nhất từ mức đặt lệnh tới giá hiện tại (mức đặt lệnh chờ) cho mỗi công cụ được ghi trong đặc tính kỹ thuật của công cụ tại website của Công ty.

4.3.5.1. Nếu lệnh được khớp trong các điều kiện thị trường bất thường, các mức dừng có thể bị nâng lên.

4.3.6 Yêu cầu đóng hoặc sửa đổi lệnh, trong trường hợp mức giá hiện tại gần mức S / L hoặc T / P của lệnh này hơn so với "mức Dừng", sẽ bị từ chối với lời bình luận như sau: "Sửa đổi bị vô hiệu hóa. Lệnh quá gần với thị trường hoặc" Không quote».

4.3.7. Các yêu cầu thiết lập, thay đổi hoặc xóa một lệnh chờ, trong trường hợp giá hiện tại gần với mức SL hoặc TP của lệnh này hơn so với "mức Dừng", sẽ bị từ chối với lời bình luận như sau: "S / L hoặc T / P không hợp lệ" hoặc "Không quote".

4.3.8. Khi ghi chú về việc đặt lệnh xuất hiện trên log-file của máy chủ có nghĩa là Lệnh của khách hàng đã được xử lý và lệnh đã được đặt.

4.3.9. Mỗi lệnh chờ nhận được 1 mã xác nhận.

4.3.10. Nếu một lệnh đặt được nhận để xử lý trước khi giá đầu tiên xuất hiện trên sàn giao dịch, máy chủ giao dịch sẽ từ chối lệnh đó. Cửa sổ "No price/Trading is forbidden" (Không có giá/Giao dịch bị cấm) sẽ xuất hiện trên thiết bị giao dịch khách hàng.

4.4. Chỉnh sửa và xóa các lệnh.

4.4.1. Khi Khách hàng nộp lệnh sửa đổi các thông số của các lệnh chờ (mức lệnh chờ, Dừng lỗ và Chốt lời của lệnh chờ này), những thông số sau cần được xác định:

a) Mã xác nhận;

b) Mức lệnh;

c) Mức Dừng lỗ. Giá trị 0.0000 có nghĩa là lệnh Dừng lỗ không được đặt (hoặc đã bị xóa nếu đã được đặt trước đó);

Một máy chủ giao dịch có quyền hủy một lệnh nếu giá trị của 1 hoặc 1 vài thông số bị sai. Trong trường hợp này nút "Modify" (chỉnh sửa) không được kích hoạt.

4.4.2. Khi Khách hàng nộp lệnh sửa Dừng lỗ và Chốt lời cho vị trí mở, những thông số sau cần được xác định:

a) Mã xác nhận cho vị trí mở;

b) Mức lệnh Dừng lỗ. Giá trị 0.0000 có nghĩa là lệnh Dừng lỗ không được đặt (hoặc đã bị xóa nếu đã được đặt trước đó);

c) Mức lệnh Dừng lỗ. Giá trị 0.0000 có nghĩa là lệnh Dừng lỗ không được đặt (hoặc đã bị xóa nếu đã được đặt trước đó);

4.4.3. Khi Khách hàng nộp 1 lệnh để xóa 1 lệnh chờ, Khách hàng sẽ đưa ra mã xác nhận của lệnh xóa.

4.4.4. Khi ghi chú về việc sửa đổi hoặc xóa 1 lệnh xuất hiện trên log-file của máy chủ, lệnh sửa hoặc xóa đó được coi là đã được xử lý, và 1 lệnh được coi là được sửa đổi hoặc xóa.

4.4.5. Máy chủ giao dịch có thể từ chối lệnh xóa hoặc sửa đổi nếu lệnh đó đã được nộp để xử lý trước khi giá đầu tiên trên sàn giao dịch lúc mở cửa xuất hiện. Nếu Giao dịch viên vô tình xử lý 1 lệnh khách hàng, việc sửa hoặc xóa lệnh sẽ bị hủy. Khách hàng sẽ nhận được thông báo qua email của thiết bị giao dịch.

4.5. Thực hiện lệnh

4.5.1. Một lệnh được thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Lệnh Sell Stop – khi Giá mua bằng hoặc nhỏ hơn mức đặt lệnh;

b) Lệnh Buy Stop – khi Giá bán bằng hoặc lớn hơn mức đặt lệnh;

c) Lệnh Sell Limit – khi Giá mua bằng hoặc lớn hơn mức đặt lệnh;

d) Lệnh Buy Limit – khi Giá bán bằng hoặc nhỏ hơn mức đặt lệnh;

e) Lệnh Take Profit – áp dụng cho 1 vị trí mua đang mở, khi Giá mua bằng hoặc lớn hơn mức đặt lệnh;

f) Lệnh Stop Loss – áp dụng cho 1 vị trí mua đang mở, khi Giá mua bằng hoặc nhỏ hơn mức đặt lệnh;

g) Lệnh Take Profit – áp dụng cho một vị trí bán đang mở, khi Giá bán bằng hoặc nhỏ hơn mức đặt lệnh;

h) Lệnh Stop Loss – áp dụng cho một vị trí bán đang mở, khi Giá bán bằng hoặc lớn hơn mức đặt lệnh;

4.5.2. Trong trường hợp chênh lệch giá, thực hiện lệnh được quyết định bởi những quy định sau:

- a) Nếu mức "Chốt Lùi" của một lệnh chờ nằm trong khoảng cách giá trong suốt thời gian mở lệnh, khi lệnh được mở mức thiết lập Chốt lồi sẽ được bãi bỏ. Trong một trường hợp như một ghi chú được thêm vào các ý kiến: (tp cancelled/gap);
- b) Lệnh "Take Profit" với mức trong khoảng chênh lệch được thực hiện tại mức nêu ra trong giá đặt lệnh;
- c) Lệnh "Stop Loss" với mức trong khoảng chênh lệch giá được thực hiện tại giá đầu tiên sau chênh lệch giá. Trong trường hợp này, một thông báo được thêm vào phần bình luận (sl/gap);
- d) Lệnh chờ "Buy Stop" và "Sell Stop" được thực hiện ở giá đầu tiên sau chênh lệch giá. Trong trường hợp này, một thông báo được thêm vào phần bình luận (started/gap);
- e) Lệnh chờ "Buy Limit" và "Sell Limit" được thực hiện ở giá nêu ra trong danh sách giá. Trong trường hợp này, một thông báo được thêm vào phần bình luận (started/gap);
- f) Trong trường hợp khoảng cách giá hơn 300 pips và lợi nhuận được ghi nhận, Công ty có quyền giới hạn lợi nhuận cho một đơn đặt hàng như vậy là 300 pips.
Trong một số trường hợp, lệnh có chênh lệch giá nhỏ có thể được thực hiện ở chế độ tiêu chuẩn tại giá nêu ra trong danh sách giá.

4.5.3. a) Ở điều kiện thị trường thông thường, Công Ty sẽ khớp lệnh tại mức giá được nêu trong lệnh.

b) Nếu lệnh được khớp trong điều kiện thị trường bất thường, mức giá khớp lệnh có thể khác với mức được nêu trong lệnh, dù có theo mong muốn của Khách Hàng hay không.

4.5.4. Trong trường hợp tài khoản của Khách Hàng thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Mức margin không được vượt quá hệ số nhân trong tỉ lệ đòn bẩy hiện đang được thiết lập trên tài khoản;

b) Có từ 60% trở lên tổng khối lượng các trạng thái được đặt trên một công cụ giao dịch và theo cùng một hướng (bán hoặc mua);

c) Phần này của tất cả các vị trí đã được hình thành trong vòng 24h trước khi thị trường đóng cửa;

Công ty có quyền đặt lệnh "Take Profit", bao gồm trong tất cả các vị trí tại giá bán lúc đóng cửa thị trường của công cụ trừ 1 point (đối với lệnh bán) hoặc tại giá mua lúc thị trường đóng cửa của công cụ cộng 1 point (đối với lệnh mua).

5. Ký quỹ/rút tiền

5.1. Đặt cọc tiền vào tài khoản giao dịch Khách hàng

5.1.1. Khách Hàng có thể gửi tiền vào tài khoản của mình qua các phương thức và các hệ thống thanh toán có sẵn trong Khu Vực Cá Nhân.

5.1.2. Nếu không thể đặt cọc tự động, yêu cầu sẽ được xử lý bởi bộ phận tài chính của Công ty trong vòng 2 ngày làm việc sau khi yêu cầu được tạo.

5.2. Rút tiền từ tài khoản giao dịch của Khách hàng

5.2.1. Khách hàng chỉ có thể rút tiền từ tài khoản bằng những hệ thống thanh toán đã được sử dụng ở mục 5.1.1.

5.2.2. Trong trường hợp tài khoản được đặt cọc thông qua nhiều phương thức, việc rút tiền được thực hiện tương tự với tỷ lệ tương ứng với từng phương thức đặt cọc;

5.2.3. Trong những trường hợp đặc biệt (ví dụ như các trường hợp bất khả kháng, hệ thống thanh toán ngừng vận hành...) Công ty có quyền từ chối việc rút tiền của Khách hàng trong hệ thống thanh toán này. Việc này được xem xét tùy theo từng trường hợp.

5.2.4. Căn cứ theo chính sách rút tiền của Công Ty, các đề nghị rút tiền được xử lý trong vòng 2 ngày làm việc tính từ lúc nhận được yêu cầu rút tiền.

5.2.5. Công Ty có toàn quyền quyết định việc yêu cầu Khách Hàng cung cấp thông tin về nguồn thu nhập và nguồn tiền của họ nhằm mục đích xác minh tính hợp pháp của các khoản ký quỹ và rút tiền của Khách Hàng cũng như để tuân thủ các quy định hiện hành.

5.2.6. Nếu một tài khoản được ký quỹ qua thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng ít nhất một lần, việc rút tiền từ tài khoản sẽ được thực hiện lại vào thẻ này trong năm kể từ lần ký quỹ cuối cùng qua thẻ.

5.2.7. Nếu một tài khoản được nạp tiền qua thẻ debit hoặc credit thì cần có bản copy của thẻ để xử lý việc rút tiền. Bản copy phải chứa 6 ký tự đầu tiên và 4 ký tự cuối cùng của số thẻ, tên chủ thẻ, ngày hết hạn và chữ ký của chủ thẻ.

5.2.8. Nếu một tài khoản được ký quỹ qua thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng và có yêu cầu rút tiền được gửi trong vòng một năm kể từ ngày ký quỹ, số tiền đó sẽ được ghi có trở lại vào thẻ. Có thể rút tối đa 100% số tiền ký quỹ ban đầu trở về thẻ. Số tiền vượt quá mức ký quỹ ban đầu có thể được rút toàn bộ hoặc một phần thông qua các hệ thống thanh toán hoặc ngân hàng khác mà khách hàng có ví điện tử cá nhân hoặc tài khoản ngân hàng.

5.2.9. Công Ty có quyền điều chỉnh các hoạt động tài chính trên các tài khoản giao dịch của Khách Hàng và các Hệ thống thanh toán nhằm mục đích giám sát tính trung thực và nhất quán trong hoạt động giao dịch của Khách Hàng ở trên nền tảng của Công Ty.

5.2.9.1. Trong trường hợp các giao dịch có sai lệch, công ty có thể hủy các hoạt động tài chính mà không thể tìm thấy trên lịch sử của hệ thống thanh toán hoặc đã bị hủy bỏ (trả tiền lại).

Trong trường hợp này, công ty cũng có quyền hủy bỏ các hoạt động giao dịch đã được thực hiện qua các quỹ chưa xác nhận cũng như lấy lại các khoản thanh toán liên quan đến các hoạt động này, như hoa hồng đối tác, hoa hồng giới thiệu tự động, các khuyến mãi và lot thưởng, v.v.

5.3. Chuyển khoản nội bộ:

5.3.1. Xử lý tự động tối đa 10 lần chuyển khoản nội bộ. Trên 10 lần thì chuyển khoản nội bộ được xử lý theo cách thông thường bởi bộ phận tài chính;

5.3.2. Không thể thực hiện chuyển khoản giữa các bên thứ ba, ngoại trừ các chuyển khoản nội bộ theo cách thủ công giữa đối tác và các khách hàng của họ;

5.4. Bảo mật tài chính.

5.4.1. Để cung cấp bảo mật về tài chính, Công ty có quyền yêu cầu khách hàng xác nhận thông tin cá nhân nộp lúc đăng ký tài khoản giao dịch. Vì thế nên bất kỳ lúc nào Công ty có thể yêu cầu Khách hàng nộp bản sao hộ chiếu hoặc những tài liệu tương đương được công chứng (do Công ty quyết định).

5.4.2. Công ty có quyền cấm những bên thứ ba đặc cộc hoặc rút tiền.

6. Hoa hồng và các chi phí khác

6.1. Khách hàng sẽ trả cho Công ty tiền hoa hồng và những chi phí khác trong phạm vi được nêu trong chi tiết kỹ thuật của hợp đồng. Công ty sẽ công bố mức hoa hồng hiện tại và những chi phí khác tại website công ty.

6.2. Công ty có quyền thay đổi mức hoa hồng và những chi phí khác mà không cần thông báo trước cho Khách hàng. Tất cả thay đổi được công bố trên website Công ty trong phần “Company news” (Tin tức Công ty) và/hoặc trong chi tiết liên lạc.

6.3. Nếu tất cả những quy tắc và điều khoản của Công ty được tuân thủ, Công ty không có trách nhiệm tiết lộ cho Khách hàng bất kỳ báo cáo nào liên quan tới lợi nhuận, hoa hồng và các loại phí khác mà Công ty nhận khi giao dịch với khách hàng, trừ những trường hợp đặc biệt được đề cập trong thỏa thuận hiện tại.

6.4. Tài khoản miễn phí swap được cung cấp dựa trên những điều khoản sau:

6.4.1. Tài khoản miễn phí swap chỉ dành cho người Hồi giáo.

6.4.2. Đối với những chiến lược lâu dài (giao dịch mở nhiều hơn 2 ngày), Công ty tính 1 phí cố định cho tổng số ngày mà lệnh mở, phí được cố định với giá trị là 1 điểm trong giao dịch đô la

Mỹ, nhân với mức điểm trao đổi của cặp tiền tệ của thỏa thuận. Phí này không phải lãi suất và phụ thuộc vào việc giao dịch này mở để mua hay bán.

6.4.3. Lựa chọn Miễn Phí Swap không áp dụng đối với giao dịch cặp tiền hiếm (Forex Exotic) và các công cụ CFD.

6.4.4. Bằng việc mở tài khoản miễn phí swap tại FBS, Khách hàng đảm bảo rằng mình là người Hồi giáo và Công ty có thể trừ tiền phí từ tài khoản giao dịch của Khách hàng bất kỳ lúc nào theo như mục 6.4.2 sau khi đã thông báo với Khách hàng qua email.

6.4.5. Khi phát hiện:

6.4.5.1. Sử dụng một tài khoản miễn phí swap để thực hiện các lệnh chênh lệch giá (arbitrage);

6.4.5.2. Sử dụng các chiến lược liên quan đến giao dịch ăn chênh lệch lãi suất (carry trade);

6.4.5.3. Cố ý khai thác tùy chọn miễn phí swap nhằm kiếm thêm lợi nhuận

Công ty có quyền từ chối cung cấp dịch vụ miễn phí swap cho khách hàng cũng như khấu trừ phí từ tài khoản giao dịch của người đó bất cứ lúc nào theo điều 6.4.2 đã thông báo với khách hàng qua email.

7. Giao tiếp giữa khách hàng và Công ty

7.1. Công ty sử dụng những phương tiện sau để liên lạc với Khách hàng:

a) Email nội bộ của sàn giao dịch (tùy ý theo Công ty) (từ Công ty tới Khách hàng);

b) Chat trực tuyến với doanh nghiệp, thực hiện thông qua Khu vực cá nhân;

c) Điện thoại;

d) Bưu điện;

e) Thông báo tại phần liên quan ở website của Công ty;

f) Chat với doanh nghiệp;

g) Để liên hệ với Khách hàng, Công ty sẽ sử dụng thông tin liên hệ của Khách hàng khi mở tài khoản hoặc thay đổi để phù hợp với quy định hiện tại.

7.2. Để có thể đáp ứng nhu cầu cấp thiết của Khách hàng, Công ty sẽ xếp thứ tự ưu tiên trả lời Khách hàng như sau: Khách hàng liên hệ qua online chat (chat trực tuyến, từ 1 Khu vực cá nhân) sẽ được trả lời trước, sau đó tới những câu hỏi từ diễn đàn và email.

7.3. Các tài liệu, thông báo, chú ý, xác nhận, báo cáo,... được coi là chấp thuận bởi Khách hàng:

a) Một tiếng sau khi gửi tới email;

b) Ngay sau khi gửi bằng email nội bộ của sàn giao dịch;

c) Ngay sau khi hoàn thành cuộc nói chuyện điện thoại;

d) Sau 7 ngày kể từ ngày gửi qua đường bưu điện;

e) Một tiếng sau khi có mặt trên website của Công ty.

7.4. Để đảm bảo tính bảo mật của tất cả các giao dịch thực hiện bởi Khách hàng, truy cập vào Khu vực cá nhân trader và thiết bị giao dịch sẽ được bảo vệ bởi mật khẩu. Khách hàng là người duy nhất có trách nhiệm giữ tên đăng nhập và mật khẩu của mình.

7.5. Để đảm bảo tính bảo mật của tất cả các giao dịch thực hiện bởi Khách hàng, các cuộc nói chuyện điện thoại với Công ty sẽ được ghi âm ở băng từ hoặc thiết bị điện tử. Những bản ghi âm này là độc quyền của Công ty và được dùng làm bằng chứng các lệnh đã nộp của Khách hàng.

8. Thủ tục xem xét, giải quyết tranh chấp và khiếu nại

8.1. Quy trình xem xét, giải quyết tranh chấp và khiếu nại về lệnh.

8.1.1. Nếu có tranh chấp phát sinh, Khách hàng có quyền khiếu nại với Công ty. Các khiếu nại được chấp nhận trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi đưa ra lý do yêu cầu bồi thường.

8.1.2. Khiếu nại bao gồm thông tin nêu ở mục 8.1.6 và gửi tới Phòng Quản lý Chất lượng qua Mẫu phản hồi có trên website của Công ty trong phần “Claims and disputes for orders” (Khiếu nại và tranh chấp về lệnh). Nếu không, tất cả các khiếu nại được nộp sẽ không được xem xét.

8.1.3. Công ty xem xét 1 yêu cầu khách hàng trong vòng 10 ngày làm việc. Khách hàng thỏa thuận và trả lời các yêu cầu của Công ty một cách trung thực.

8.1.4. Khiếu nại chỉ được xem xét khi Khách hàng trả lời tất cả các yêu cầu của Công ty.

8.1.5. Khiếu nại sẽ bị từ chối và các tài khoản của Khách Hàng có thể bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Khách Hàng không có phản hồi đối với bất kỳ và/hoặc tất cả các đề nghị của Công Ty trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị.

b) Công Ty phát hiện Khách Hàng có sử dụng nhiều thiết bị trong quá trình truy cập vào nền tảng của Công Ty và/hoặc truy cập nền tảng này từ nhiều địa chỉ IP không phù hợp với hành vi Khách Hàng thông thường và/hoặc khiến nghi ngờ rằng các tài khoản của Khách Hàng đã bị xâm nhập và/hoặc bị sử dụng trái phép bởi các bên thứ ba không được ủy quyền.

c) Công Ty có cơ sở hợp lý để tin rằng Khách Hàng đã cung cấp cho bên thứ ba quyền truy cập vào tài khoản của mình.

8.1.6. Một khiếu nại của Khách hàng sẽ bao gồm:

a) Họ tên đầy đủ;

b) Số tài khoản;

c) Ngày và thời gian tranh chấp phát sinh;

d) Mã xác nhận của lệnh phát sinh tranh chấp;

e) Mô tả khiếu nại

8.1.7. Công ty có quyền từ chối khiếu nại nếu không tuân thủ mục 8.1.2, 8.1.6.

8.2. Quy trình xem xét khiếu nại về chất lượng dịch vụ

8.2.1. Nếu Khách hàng có khiếu nại về chất lượng dịch vụ, Khách hàng có quyền thông báo tới Phòng Quản lý Chất lượng bằng Mẫu phản hồi có trên website. Trong phần menu chọn “Claims against service quality” (Khiếu nại về chất lượng dịch vụ). Tất cả khiếu nại gửi tới địa chỉ này sẽ được xem xét chi tiết bởi các chuyên gia của Phòng Quản lý Chất lượng.

8.2.2. Thời gian xem xét một khiếu nại về chất lượng dịch vụ là 10 ngày làm việc. Dựa vào kết quả kiểm tra, thư thông báo về kết quả kiểm tra sẽ được gửi tới địa chỉ liên hệ của Khách hàng có trong phần Personal Area và đã được nêu ra lúc mở tài khoản.

8.2.3. Một khiếu nại của Khách hàng sẽ bao gồm:

a) Họ tên đầy đủ;

b) Số tài khoản;

c) Ngày và thời gian khi tranh chấp phát sinh;

d) Tên của phòng hỗ trợ dịch vụ cho Khách hàng;

e) Phương thức liên lạc (điện thoại, Live Chat qua Personal Area, chat với doanh nghiệp tại website của Công ty, những phương thức liên lạc khác);

f) Mô tả tình hình và bản chất của khiếu nại.

8.3. Nguồn thông tin để chứng minh tính hợp lệ của khiếu nại

8.3.1. Log-file của máy chủ là nguồn thông tin chủ yếu khi xem xét một tranh chấp. Thông tin trên log-file của máy chủ là nguồn được coi là quan trọng nhất khi xem xét một tranh chấp, bao gồm cả thông tin ở log-file của thiết bị giao dịch của Khách hàng.

8.3.2. Nếu log-file của máy chủ không cho thấy ý định của Khách hàng thì đây là cơ sở để kết luận khiếu nại không hợp lệ.

8.4. Thanh toán bồi thường

8.4.1. Nếu như khiếu nại được chứng minh, giải quyết khiếu nại chỉ được thực hiện bằng khoản thanh toán bồi thường gửi tới tài khoản giao dịch của Khách hàng.

8.4.2. Khoản bồi thường không bao gồm lợi nhuận mà Khách hàng không được nhận trong trường hợp Khách hàng có ý định thực hiện một số hành động nhưng vì lý do nào đó đã không thực hiện.

8.4.3. Công ty sẽ không bồi thường cho những thiệt hại không liên quan đến tiền cho Khách hàng.

8.4.4. Công ty sẽ chuyển khoản thanh toán bồi thường tới tài khoản giao dịch của Khách hàng trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi ra quyết định về giải quyết tranh chấp.

8.5. Trường hợp từ chối xem xét khiếu nại

8.5.1. Khiếu nại về những lệnh không được xử lý trong suốt thời gian bảo trì máy chủ theo lịch không được chấp nhận nếu thông báo về việc bảo trì đã được gửi tới Khách hàng qua email của sàn giao dịch hoặc qua bất kỳ phương tiện nào theo như mục 7.1 của Thỏa thuận hiện tại. Không nhận được thông báo này không là cơ sở để khiếu nại.

8.5.2. Khiếu nại về khoảng thời gian thực hiện lệnh không được chấp nhận dù cho Giao dịch viên có tốn bao nhiêu thời gian để thực hiện lệnh và dù cho tốn bao nhiêu thời gian để việc thực hiện lệnh xuất hiện trên log-file của máy chủ.

8.5.3. Các tranh chấp không đề cập trong Thỏa thuận này sẽ được Công ty xem xét theo lẽ thường.

8.6. Nếu lệnh của Khách hàng mở, đóng hoặc thay đổi vì giá off-market, Công ty bảo lưu quyền khôi phục hiện tình trạng lệnh trước khi tăng đột biến.

9. Rủi ro

Khách hàng xác nhận rằng họ đã được thông báo về những rủi ro liên quan đến thực hiện hoạt động giao dịch trên thị trường tài chính thế giới, bao gồm những điều sau:

9.1. Rủi ro đòn bẩy

9.1.1. Trong khi thực hiện giao dịch dựa trên các điều kiện của “Giao dịch kỹ quỹ”, một thay đổi tương đối nhỏ có thể ảnh hưởng mạnh đến tài khoản giao dịch của Khách hàng vì hiệu ứng đòn bẩy. Trong trường hợp thị trường biến động ngược hướng dự tính của Khách hàng, Khách hàng có thể chịu lỗ trong khoản đặt cọc ban đầu hoặc bất kỳ khoản bổ sung nào được đặt cọc để hỗ trợ các lệnh mở. Khách hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xem xét tất cả rủi ro, sử dụng các công cụ tài chính và lựa chọn chiến lược giao dịch liên quan.

9.1.2. Khách hàng được khuyến cáo nên duy trì mức ký quỹ (Margin level) ở 100% và cao hơn, cũng như đặt lệnh Stop Loss để giảm thiểu các tổn thất có thể xảy ra.

9.2. Rủi ro biến động công cụ tài chính

9.2.1. Nhiều công cụ với biến động lớn về giá trong ngày hàm chứa khả năng nhận được lợi nhuận cao cũng như chịu lỗ trong khi giao dịch.

9.3. Rủi ro kỹ thuật

9.3.1. Khách hàng chấp nhận rủi ro tài chính vì thiếu thông tin, phương tiện liên lạc, hệ thống điện tử và các hệ thống khác từ phía Khách hàng.

9.3.2. Trong khi giao dịch bằng thiết bị giao dịch, Khách hàng chấp nhận các rủi ro về mất mát tài chính có thể xảy ra do:

- a) Hồng hóc về phần cứng, phần mềm và chất lượng kết nối kém từ phía Khách hàng;
- b) Một trục trặc của thiết bị Khách hàng;
- c) Thiết bị giao dịch của khách hàng cài đặt sai;
- d) Thiết bị giao dịch của khách hàng không kịp thời cập nhật phiên bản mới;
- e) Khách hàng thiếu hiểu biết về hướng dẫn được miêu tả trong phần hỗ trợ có ở thiết bị giao dịch.

9.4. Rủi ro điều kiện thị trường bất thường

Khách hàng chấp nhận rằng trong điều kiện thị trường bất thường, thời gian xử lý lệnh có thể lâu hơn, spread có thể bị mở rộng và giá thực hiện có thể khác với giá trong dòng.

9.5. Rủi ro đặc thù kỹ thuật của sàn giao dịch

9.5.1. Khách hàng chấp nhận rằng trong danh sách lệnh trên máy chủ chỉ có một lệnh. Việc cố gắng nộp bất kỳ lệnh mới nào sẽ bị từ chối và trong cửa sổ lệnh, thông báo “Order is locked” sẽ xuất hiện.

9.5.2. Khách hàng chấp nhận rằng nguồn thông tin có hiệu lực duy nhất là máy chủ chính phục vụ Khách hàng, thực hiện giao dịch tại tài khoản thực. Cơ sở thông tin về giá tại thiết bị giao dịch của khách hàng sẽ không được coi là nguồn thông tin có hiệu lực về dòng giá, trong trường hợp kết nối không ổn định giữa thiết bị giao dịch khách hàng và máy chủ, một phần giá từ dòng giá có thể không tới được thiết bị giao dịch khách hàng.

9.5.3. Mức giá hiện tại của các tài sản cơ sở được tính toán bởi Công Ty trên cơ sở các định giá Công Ty đã nhận. Tất cả các vấn đề liên quan đến định giá thị trường nằm trong phạm vi thẩm quyền của riêng Công Ty.

9.5.4. Khách hàng chấp nhận vô điều kiện rằng các báo giá mà Công ty gửi đến Khách Hàng là hoàn toàn chính xác; các khiếu nại về chênh lệch giữa báo giá mà Công ty cung cấp và các nguồn thông tin khác đều không được chấp nhận xem xét.

9.5.5 Công ty có quyền xem xét lại các báo giá đã cung cấp tại bất cứ thời điểm nào nếu theo Công ty, các báo giá này rơi vào các trường hợp: “Báo Giá Phi Thị Trường”, và/hoặc “Điều kiện thị trường bất thường”, và/hoặc “Lỗi hiển nhiên” được định nghĩa trong Thỏa Thuận hiện tại và/hoặc phần “Các điều khoản và định nghĩa”, và quyền điều chỉnh các kết quả tài chính từ các hoạt động giao dịch đã khớp tại các mức báo giá trên.

9.5.6 Trong trường hợp các báo giá trên máy chủ giao dịch bị dừng đột ngột vì lỗi phần mềm hoặc phần cứng, Công Ty có quyền đồng bộ hóa các dữ liệu báo giá trên máy chủ với các nguồn khác để thiết lập lịch sử dòng báo giá. Trong các trường hợp này, Công Ty không có nghĩa vụ, nhưng được phép xem xét lại các kết quả tài chính từ các hoạt động giao dịch của Khách Hàng đã thực hiện trong giai đoạn này.

9.5.7. Khách hàng chấp nhận rằng việc đóng một cửa sổ nộp/chỉnh sửa/bỏ một lệnh cũng như việc mở/đóng một lệnh không hủy đi lệnh đã được nộp tới Giao dịch viên để xử lý.

9.5.8. Khách hàng chấp nhận rủi ro về những giao dịch không tính trước trong trường hợp nộp lệnh lần hai trước khi nhận được thông tin về kết quả xử lý lệnh trước bởi Giao dịch viên.

9.5.9. Khách hàng chấp nhận rằng một lệnh sửa đồng thời mức lệnh chờ và mức Stop Loss và/hoặc Take Profit, được nộp để xử lý sau khi lệnh đã được thực hiện sẽ chỉ sửa đổi được mức Stop Loss và/hoặc Take Profit mở cho lệnh này.

9.5.10. Khách hàng chấp nhận rằng trong trường hợp nộp 1 lệnh chờ hoặc lệnh Stop Loss và/hoặc Take Profit với giá bằng giá hiện tại trong dòng giá, lệnh sẽ được thực hiện chỉ khi một dấu tick ở phần thực hiện lệnh xuất hiện và thỏa mãn những điều kiện ở mục 4.5

9.6. Rủi ro lỗi truyền thông tin

9.6.1. Khách hàng chấp nhận bất kỳ rủi ro tổn thất tài chính nào xảy ra vì khách hàng không nhận được hoặc nhận được tin chậm trễ từ Công ty.

9.6.2. Khách hàng chấp nhận rằng thông tin gửi qua email không được đảm bảo bởi truy cập không hợp lệ.

9.6.3. Khách hàng chấp nhận rằng Công ty có quyền xóa tin nhắn mà Khách hàng không nhận được qua email trong vòng 3 ngày kể từ ngày gửi tin nhắn.

9.6.4. Khách hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc giữ kín thông tin bí mật được nhận từ Công ty và chấp nhận bất kỳ rủi ro tổn thất tài chính nào gây ra bởi truy cập không hợp lệ của các bên thứ ba vào tài khoản giao dịch.

9.7. Rủi ro các trường hợp bất khả kháng

9.7.1. Khách hàng chấp nhận những rủi ro tổn thất tài chính gây ra bởi những trường hợp bất khả kháng.

10. Các trường hợp bất khả kháng

10.1. Các trường hợp bất khả kháng sẽ bao gồm nhưng không giới hạn ở: bất kỳ hành động, sự kiện hoặc tính huống nào (bao gồm nhưng không giới hạn ở đình công, bạo loạn, rối loạn đại chúng và dân sự, các hành động khủng bố, lũ lụt, điều kiện thời tiết bất thường, động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, tranh chấp lao động, tai nạn, hành động của chính phủ, lỗi kết nối và lỗi nguồn điện, thiết bị và lỗi phần mềm...) theo quan điểm thông thường của công ty gây ra sự bất ổn thị trường hoặc nhiều thị trường của một hoặc một vài công cụ, gián đoạn kinh doanh, thanh lý hoặc đóng cửa bất kỳ thị trường nào hoặc sự vắng mặt của một sự kiện làm cơ sở để công ty đặt giá hoặc xuất hiện các điều kiện giao dịch không đạt chuẩn tại bất kỳ thị trường nào hoặc bất kỳ sự kiện nào tương tự.

10.2. Công ty có nền tảng tốt có quyền quyết định phạm vi của các trường hợp bất khả kháng. Trong trường hợp bất khả kháng, Công ty sẽ dùng mọi giải pháp có thể với thiện chí để thông báo cho Khách hàng về trường hợp bất khả kháng.

10.3. Khách hàng chấp nhận rằng trong trường hợp bất khả kháng, Công ty có quyền (mà không giới hạn các quyền khác của Công ty theo như Thỏa thuận này) không cần thông báo trước bằng văn bản và vào bất kỳ lúc nào thực hiện những hành động sau:

- a) Tăng yêu cầu ký quỹ;
- b) Đóng 1 hoặc toàn bộ vị trí mở tại 1 giá mà Công ty cảm thấy hợp lý;
- c) Đình chỉ hoặc sửa đổi việc áp dụng một hoặc tất cả các điều khoản của Thỏa thuận này nếu trường hợp bất khả kháng không cho phép Công ty tuân thủ những điều khoản này;
- d) Đã thực hiện hoặc không thực hiện hành động nào đối với Công ty, Khách hàng và những Khách hàng khác nếu như Công ty có cơ sở hợp lý để coi những hành động đó là hợp lý trong những trường hợp này;
- e) Xem xét lại kết quả tài chính của tất cả những vận hành giao dịch của Khách hàng trong trường hợp bất khả kháng bằng việc thay đổi giá, các lệnh mở/đóng hoặc xóa lệnh hoàn toàn.

[Quay lại Mục Lục](#)

Thỏa Thuận Đối Tác

FBS Markets Inc., dưới đây gọi là “Công ty” và Khách hàng – người mở tài khoản IB tại www.fbs.com, dưới đây gọi là IB, hình thành “Các bên” trong Hợp đồng IB (Introducing Broker) dưới đây:

1. Các điều khoản chung

- 1.1. Hợp đồng này cấu thành một phần quan trọng của Hợp đồng Khách hàng.
- 1.2. Để đăng ký làm IB, bạn cần phải:
 - 1.2.1. Đăng ký một Khu vực cá nhân (Personal Area) trên website Công ty
 - 1.2.2. Chấp nhận Hợp đồng này và nhận được xác nhận bằng email về việc mở tài khoản IB
 - 1.2.3. Nhận số ID cá nhân của IB
 - 1.2.4. Công ty bảo lưu quyền yêu cầu trình ID cá nhân hoặc bất kỳ tài liệu nào khác nhằm xác nhận thông tin cá nhân của IB bất kỳ lúc nào
- 1.3. Sau khi tài khoản IB được mở, IB có thể chọn bất kỳ tài liệu quảng cáo nào có sẵn trên website Công ty và đặt trên trang web của mình, hoặc có thể dùng liên kết tham chiếu (referral link)
- 1.4. Sau khi đáp ứng những yêu cầu ở mục 1.2, tài khoản IB sẽ được coi là đã kích hoạt. Một thông báo email tự động được gửi tới email đã đăng ký của Khách hàng.
- 1.5. Công ty và IB chấp nhận thực hiện các cam kết hợp tác tương hỗ nhằm mục đích để Khách hàng giao dịch trên thị trường và sử dụng những công cụ giao dịch cung cấp bởi Công ty.
- 1.6. Theo Hợp đồng này, IB cam kết tìm kiếm và giới thiệu Khách hàng về với Công ty, cũng như các quyền và nghĩa vụ khác đề cập trong Hợp đồng này. Khi thực hiện cam kết theo Hợp đồng này, IB tự mình tìm kiếm Khách hàng nhưng phải giới thiệu Khách hàng về cho Công ty.
- 1.7. IB chấp nhận vô điều kiện rằng tất cả Khách hàng mà mình có được là Khách hàng của Công ty.

2. Hợp tác các bên

- 2.1. Hợp đồng này không chứng minh bất kỳ quan hệ tuyển dụng hoặc hợp tác kinh doanh nào. IB không được sử dụng tên, logo và các tài liệu bản quyền khác của công ty ở bất kỳ đâu bao gồm quảng cáo, in ấn, danh thiếp, thông báo, ấn phẩm, trừ khi có sự cho phép trước bằng văn bản từ phía Công ty. IB có thể hoạt động và giới thiệu bản thân như một Khách hàng của Công ty chỉ với những đặc quyền của IB. Không được sử dụng bất kỳ chức danh nào khác. IB có quyền sử dụng các tài liệu quảng cáo đặc biệt được Công ty thiết kế để dành cho IB.
- 2.2. Công ty sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ trường hợp nào sau đây:
 - 2.2.1. Bất kỳ hành động nào của IB vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này và/hoặc Hợp đồng Khách hàng;
 - 2.2.2. Bất kỳ hành động nào của IB vượt quá đặc quyền được Công ty cho phép;
 - 2.2.3. Bất kỳ tổn thất hay thiệt hại nào cho các bên thứ ba gây ra bởi IB;

- 2.2.4. Bất kỳ khiếu nại nào về IB gây ra bởi IB không tuân thủ mục 3.1 của Hợp đồng này;
- 2.3. Các bên bắt buộc phải tuân theo các điều khoản của Hợp đồng này và/hoặc Hợp đồng Khách hàng trừ khi có quy định và ký kết khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của IB

- 3.1. Tính từ lúc Hợp đồng được chấp nhận, IB với tư cách của mình và với thù lao nhận từ Công ty sẽ:
- 3.1.1. Thực hiện quảng cáo cho Công ty;
- 3.1.2. Thực hiện bất kỳ hoạt động nào tuân thủ pháp luật của nước của mình để giới thiệu được Khách hàng về với Công ty;
- 3.1.3. Thông báo cho Khách hàng mới về hoạt động, dịch vụ, lợi thế và những thông tin liên quan khác của Công ty;
- 3.1.4. Cung cấp cho Khách hàng mới thông tin về Công ty, bao gồm địa chỉ và thông tin liên lạc của Công ty, những điều kiện chung hoặc đặc biệt về những điều khoản dịch vụ của Công ty;
- 3.1.5. Cung cấp cho Khách hàng mới thông tin và cấu trúc của website của Công ty (www.fbs.com), thông tin trên website, bình luận và làm rõ nếu cần;
- 3.2. IB đảm bảo rằng hoạt động của mình tuân thủ với pháp luật của nước cư trú.
- 3.3. IB có trách nhiệm thông báo cho Công ty về bất kỳ sự việc nào can thiệp tới hoạt động của mình ngay lập tức.
- 3.4. IB có trách nhiệm cố gắng hết sức để giới thiệu Khách hàng về cho Công ty.
- 3.5. Khách hàng được giới thiệu bởi IB khi một trong những điều kiện sau xảy ra:
- 3.5.1. Khách hàng đăng ký tài khoản sử dụng kết nối (tham chiếu) (referral link) đặc biệt được IB cung cấp
- 3.5.2. Khách Hàng sẽ gửi văn bản yêu cầu đến Công Ty để đăng ký cá nhân họ dưới danh nghĩa được IB giới thiệu đến. Yêu cầu hợp lệ trong trường hợp nó được gửi trong vòng 7 ngày lịch kể từ khi Khách Hàng được đăng ký trên www.fbs.com và Khách Hàng vẫn chưa được đăng ký theo một IB khác.
- 3.6. Công Ty có quyền đăng ký cho một Khách Hàng thuộc giới thiệu của một IB trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi Khách Hàng được đăng ký tại www.fbs.com. Trong trường hợp này, IB phải chứng minh việc giới thiệu thành công Khách Hàng cụ thể và giải thích tại sao việc đăng ký không được thực hiện theo điểm 3.5 của Thỏa Thuận này.
- 3.7. IB có trách nhiệm cung cấp bất kỳ tài liệu quảng cáo (bao gồm cả danh thiếp) cho Công ty để quảng bá Công ty trước khi thực hiện bất kỳ chiến dịch quảng cáo nào.
- 3.8. IB không được phép sử dụng bất kỳ phương pháp quảng cáo gian lận nào để quảng bá cho Công ty. Nghiêm cấm sử dụng những hình thức sau:
- 3.8.1. APS (Active Promotion Systems);
- 3.8.2. Quảng cáo trên các website đồi trụy (bao gồm các website khiêu dâm);
- 3.8.3. Quảng cáo trên website không tuân thủ pháp luật của nước của IB
- 3.8.4. Spam và spamdex;
- 3.8.5. Quảng cáo mà không đưa đầy đủ hoặc làm méo mó miêu tả dịch vụ, hoặc không giải thích các rủi ro và các dịch vụ cho khách hàng.
- 3.8.6. Quảng cáo mà đưa ra thông tin méo mó, sai hoặc không tuân thủ quy định tại nước của IB;
- 3.8.7. Bất kỳ hoạt động nào có thể gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty;
- 3.8.8. Bất kỳ các quảng cáo gian lận nào.
- 3.9. IB không có quyền:
- 3.9.1. Đăng ký và/hoặc sử dụng các domain có “FBS” hoặc bất kỳ dạng biến thể nào ví dụ như: fbs, ffbs, fbss,...

- 3.9.2. Đăng ký doanh nghiệp và/hoặc sử dụng tên doanh nghiệp “FBS” hoặc bất kỳ dạng biến thể nào ví dụ như: fsb, ffbs, fbss,...
- 3.9.3. IB không được phép sử dụng URL trực tiếp của Công ty (www.fbs.com, www.fbs.com/ru, vv) trên bất kỳ hệ thống PPC nào (Google, Yahoo!, Live,...) với kết nối tham chiếu của họ, cũng như dùng chiến dịch quảng cáo cho các nhu cầu thương hiệu. Đổi hướng (redirect) hoặc bất kỳ cách nào giới thiệu Khách hàng tới website (một cách gian lận) mang tính bắt buộc nào cũng bị cấm.
- 3.10. IB không có quyền thực hiện bất kỳ giao dịch liên quan đến tiền với Khách hàng (bao gồm việc nhận tiền, điện chuyển khoản hoặc thẻ,...).
- 3.11. IB có trách nhiệm giữ bí mật các hoạt động của Công ty và/hoặc thông tin mà IB được tiếp cận.
- 3.12. IB có trách nhiệm thông báo ngay lập tức với Công ty về bất kỳ sự việc nào có khả năng ảnh hưởng xấu hoặc gây rủi ro cho Công ty.
- 3.13. Trong trường hợp Khách hàng khiếu nại Công ty liên quan tới hoạt động của IB, IB có trách nhiệm tự mình giải quyết những khiếu nại ấy.
- 3.14. IB có trách nhiệm cảnh báo Khách hàng về những rủi ro giao dịch ký quỹ trước khi ký Hợp đồng Khách hàng.
- 3.15. Công ty không khuyến khích IB cung cấp bất kỳ khuyến nghị nào và/hoặc lời khuyên cho Khách hàng về vận hành giao dịch và/hoặc chiến lược, hoặc bất kỳ cách nào làm ảnh hưởng tới quyết định của Khách hàng. Công ty không có trách nhiệm về hậu quả của những khuyến nghị và lời khuyên này.
- 3.16. IB không có quyền xuất bản hoặc tham gia, hoặc hợp tác xuất bản bất kỳ thông tin và tài liệu nào trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát hành, gửi bất kỳ bản tin hoặc ghi chú nào, hoặc hợp tác viết bất kỳ bài nào trên báo, tạp chí, blog, diễn đàn Internet hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác có thể ảnh hưởng xấu tới danh tiếng của Công ty.
- 3.17. Trước khi thiết lập quan hệ với Khách hàng, IB có trách nhiệm thông báo cho Khách hàng về chức danh và đặc quyền của mình.

4. Các quyền và nghĩa vụ của Công ty

- 4.1. Công ty có trách nhiệm hỗ trợ IB trong việc thực hiện các điều khoản của Hợp đồng này.
- 4.2. Công ty có trách nhiệm trả thù lao cho IB như trong Hợp đồng này.
- 4.3. Công ty có trách nhiệm thỏa thuận và tính toán. Công ty cung cấp các báo cáo giao dịch theo yêu cầu từ IB không nhiều hơn 4 lần mỗi tháng, trừ khi có Hợp đồng khác.
- 4.4. Công ty có trách nhiệm mở tài khoản thật và tuân thủ các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng Khách hàng cho Khách hàng được giới thiệu bởi IB.
- 4.5. Công ty có trách nhiệm giúp Khách hàng có thể thực hiện các giao dịch thông qua tên đăng nhập và mật khẩu mà Công ty thiết lập.
- 4.6. Công ty có trách nhiệm lên bản báo cáo chi tiết giao dịch cho Khách hàng.
- 4.7. Công ty có quyền nhận được báo cáo đầy đủ từ các đối tác về kết quả của các chiến dịch và chương trình khuyến mãi được thực hiện để thu hút khách hàng.
- 4.8. Công ty có quyền hủy bỏ Hợp đồng này nếu như trong vòng 90 ngày tính từ ngày đăng ký làm IB, IB không kiếm được 5 Khách hàng hoạt động tích cực.
- 4.9. Công ty bảo lưu quyền không cho phép một hoặc nhiều tài khoản khách hàng 'từ danh sách các khách hàng thu hút các đối tác, trong trường hợp các tài khoản không sử dụng vốn trong vòng 30 ngày sau khi đăng ký ở khu vực cá nhân của khách hàng.
- 4.10. Trong trường hợp IB không đáp ứng các điều kiện của Hợp đồng này, Công ty có quyền loại trừ các Khách hàng khỏi danh sách Khách hàng của IB.

4.11 Công ty có quyền thông báo cho Khách hàng rằng IB nhận được thù lao từ những hoạt động của Khách hàng với Công ty như miêu tả trong Hợp đồng này.

4.12. Trong trường hợp công ty nhận được tin nhắn từ hệ thống thanh toán cho biết rằng khách hàng bị nghi ngờ có hoạt động gian lận, Công Ty có quyền gỡ bỏ khách hàng nói trên khỏi Đối Tác IB của người đó và hủy bỏ mọi hoa hồng IB liên quan với khách hàng này. Nếu chứng minh được rằng khách hàng không gian lận, tiền hoa hồng cho đối tác sẽ được khôi phục lại sau đó.

4.13 Công ty có quyền hủy bỏ Hợp đồng này trong trường hợp IB không thỏa mãn các điều kiện của Công ty.

5. Giới hạn đặc quyền của IB

5.1. IB không được làm những việc sau đây nếu không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty:

5.1.1. Cam kết dùng tên của Công ty hoặc ràng buộc Công ty với bất kỳ cam kết nào.

5.1.2. Đưa ra bất kỳ đảm bảo và/hoặc hứa hẹn nào, đưa ra bất kỳ tuyên bố nào liên quan đến việc Công ty sẽ chi trả khoản tiền nào đó.

5.2. IB không được phép:

5.2.1. Chỉnh sửa mã số của các tài liệu quảng cáo mà Công ty cung cấp và có sẵn trên Khu vực Cá nhân (Personal Area). Nếu phát hiện ra sửa đổi, Công ty có quyền hủy bỏ Hợp đồng này và thù lao của IB.

5.3. Các giới hạn ở mục 5.1 và 5.2 có hiệu lực kể từ lúc ký Hợp đồng và trong vòng 5 năm sau khi Hợp đồng bị hủy bỏ hoặc hết hiệu lực.

5.4. Trong trường hợp do IB không tuân thủ các điều kiện của Hợp đồng này (bao gồm các hoạt động hoặc tuyên bố không được ủy quyền) và vì lý do đó Công ty bị kiện thì tất cả các chi phí (tổn thất) của Công ty sẽ được IB bồi thường. Tổn thất của Công ty bao gồm bất kỳ chi phí nào Công ty phải chịu và sẽ phải chịu để phục hồi quyền và lợi ích của mình (những tổn thất thật sự) cũng như tổn thất lợi nhuận mà đáng lẽ Công ty đã được nhận khi kinh doanh bình thường khi lợi ích và danh tiếng không bị xâm phạm. IB không có quyền khiếu nại về khối lượng tổn thất phải bồi thường mà Công ty đưa ra.

5.5. Trong trường hợp IB vi phạm các điều kiện của Hợp đồng này, Công ty bảo lưu quyền chặn IB này và các tài khoản thật cho đến khi phục hồi được các tổn thất. Công ty có quyền sử dụng khoản thù lao hoặc bất kỳ khoản nào trả cho IB theo như Hợp đồng này để bù lại tổn thất do IB gây ra.

5.6. Trong trường hợp trùng thông tin của IB và Khách hàng của họ (bao gồm nhưng không giới hạn ở địa chỉ, email, điện thoại, địa chỉ IP,...), Khách hàng đó sẽ bị loại trừ khỏi danh sách Khách hàng của IB. Nếu 2 hoặc nhiều hơn tài khoản thật được vận hành từ cùng 1 địa chỉ IP, các tài khoản này sẽ được coi là tài khoản liên kết (affiliate) (auto-referral), và các giao dịch trên tài khoản này sẽ không được trả tiền.

5.7 Công ty có quyền yêu cầu tất cả các Khách hàng của Đối tác mà Đối tác được nhận hoa hồng xác minh Khu vực cá nhân, trước khi phê duyệt lệnh rút tiền từ tài khoản Đối tác.

6. Quy định về công việc của IB và tìm kiếm Khách hàng

6.1. Một IB có quyền tạo 1 website phục vụ hoạt động của Công ty, bao gồm các thông tin về các thị trường tài chính và các dịch vụ của Công ty, như đã nêu trong mục 3 của Hợp đồng này.

6.2. Việc đăng ký Khách hàng và thêm Khách hàng vào nhóm của IB (Danh sách Khách hàng) được thực hiện bằng 1 trong những cách sau:

6.2.1. Khách hàng sử dụng kết nối tham chiếu (referral link) để vào website của Công ty

6.2.2. Khách Hàng có thể lựa chọn được gắn với IB có tên trong văn bản yêu cầu được gửi đến Công Ty kèm theo CMND của người đó. Yêu cầu hợp lệ khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Yêu cầu được gửi trong vòng 7 ngày kể từ khi Khách Hàng được đăng ký tại www.fbs.com
- Khách Hàng chưa được đăng ký theo IB khác (Trong trường hợp này người đó phải làm theo quy trình đã nêu (xem điều 2)
- Khách Hàng không có lệnh giao dịch trước đó ở bất kỳ tài khoản giao dịch nào tại Khu Vực Cá Nhân của mình. Lệnh giao dịch của Tài Khoản Thường không được tính.
- Khách Hàng được đăng ký tại www.fbs.com sau khi IB mà người đó muốn được gắn tên lại đã đăng ký Tài Khoản IB tại Công Ty

6.2.3. Khách Hàng được đăng ký theo IB có quyền thay đổi IB của mình. Trong trường hợp này, Khách Hàng phải gửi văn bản yêu cầu thay đổi IB đính kèm theo CMND đến Công Ty. Khách Hàng có thể thay đổi đối tác duy nhất một lần. Yêu cầu hợp lệ khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Yêu cầu được gửi trong vòng 7 ngày kể từ khi Khách Hàng được đăng ký tại www.fbs.com và
- Khách Hàng không có lệnh giao dịch trước đó ở bất kỳ tài khoản giao dịch nào trong Khu Vực Cá Nhân của mình. Lệnh giao dịch của Tài Khoản Thường không được tính.
- Khách Hàng được đăng ký tại www.fbs.com sau khi IB mà người đó muốn được gắn tên lại đã đăng ký Tài Khoản IB tại Công Ty

6.3. Khách Hàng có quyền rời bỏ IB của mình và trở thành Khách Hàng trực tiếp của Công Ty bất kỳ lúc nào. Trong trường hợp Khách Hàng tách khỏi đối tác, người đó sẽ không thể được gắn lại theo IB nào khác nữa.

6.4. IB sẽ bị cấm nhận các khoản thưởng từ giao dịch trên các tài khoản của của họ hoặc của người thân hoặc các bên liên kết khác (cho dù IB là cá nhân hay pháp nhân).

7. Hoa hồng và phí IB

7.1. Công Ty trả Hoa Hồng cho IB theo số tiền nêu tại điểm 7.3. của Thỏa Thuận này, cho mỗi một giao dịch hoàn chỉnh (lệnh được mở và đóng lại sau đó) thực hiện trên mỗi tài khoản của Khách Hàng cá nhân (các tài khoản MT4 và MT5), được giới thiệu đến Công Ty thông qua IB, ngoại trừ các giao dịch được đóng do đóng một phần (partial close) hoặc đóng nhiều vị thế cùng lúc (multiple close).

7.1.1. Công ty chi trả hoa hồng cho IB dựa trên 3 cấp độ.

- Cấp 1: 100% hoa hồng cho các khách hàng mà bạn thu hút trực tiếp.
- Cấp 2: 15% hoa hồng cho các IB mà bạn được thu hút trực tiếp.
- Cấp 3: 5% hoa hồng của IB (cấp 2).

7.1.2. Hoa hồng được tính toán và thanh toán theo mục p.7.2. và p.7.3.

7.2. Hoa hồng của môi giới cho tất cả các tài khoản khách hàng được tổng hợp và trả tiền 1 lần trong vòng 24 giờ.

7.3. Hoa Hồng Cho IB:

7.3.1. Đối với các tài khoản "Cent" là 10 cent/lot cho mỗi giao dịch hoàn tất (lệnh đã được mở và đóng lại sau đó) được khớp bởi chính Khách Hàng đã thu hút được. Số tiền Hoa Hồng tối thiểu cho IB được trả cho các tài khoản "Cent" là 1 cent. Chênh lệch giữa giá mở và đóng trên các giao dịch hoàn tất phải nhiều hơn 59 điểm bất kể là có lợi nhuận hoặc không.

7.3.2. Đối với các tài khoản "Micro" là 80 USD/lot cho mỗi giao dịch hoàn tất (lệnh đã được mở và đóng lại sau đó) được khớp bởi chính Khách Hàng đã thu hút được. Chênh lệch giữa giá mở và đóng trên các giao dịch hoàn tất phải nhiều hơn 59 điểm bất kể là có lợi nhuận hoặc không

7.3.3. Đối với các tài khoản "Standard" và Zero Spread là 10 USD/lot cho mỗi giao dịch hoàn tất (lệnh đã được mở và đóng lại sau đó) được khớp bởi chính Khách Hàng đã thu hút được. Chênh lệch giữa giá mở và đóng trên các giao dịch hoàn tất phải nhiều hơn 59 điểm bất kể là có lợi nhuận hoặc không.

7.3.4 Đối với các tài khoản "ECN" là 3 USD/lot cho mỗi giao dịch hoàn tất (lệnh đã được mở và đóng lại sau đó) được khớp bởi chính Khách Hàng đã thu hút được. Chênh lệch giữa giá mở và đóng trên các giao dịch hoàn tất phải nhiều hơn 59 điểm bất kể là có lợi nhuận hoặc không.

7.4. Trong trường hợp hoa hồng đối tác đã được nhận cho các lệnh Mua và Bán được mở trên cùng một công cụ và được giữ đồng thời trên thị trường, trong khi chênh lệch giữa giá đang mở của các lệnh này dưới 59 điểm, Công Ty có cơ sở để xem xét hành động của đối tác có gian lận hay không và có quyền hủy bỏ số tiền hoa hồng đã trả.

7.5 Tiền Hoa Hồng của IB được hưởng đối với các tài khoản của khách hàng tham gia vào chương trình thưởng của Công Ty được trả theo 50% tổng số tiền ước tính (điểm 7.3).

7.6 Hoa hồng môi giới được trả cho các tài khoản giao dịch với khoản khuyến mại không tiền gửi trong trường hợp tài khoản tiền thưởng được nạp bởi quỹ riêng của khách hàng.

7.7. Trong trường hợp hoa hồng môi giới từ một khách hàng vượt quá 30% tổng tổng hoa hồng trong thời gian 1-6 tháng trước khi yêu cầu rút tiền, Công ty bảo lưu quyền hủy bỏ nó.

7.8. Trong trường hợp tổng số tiền hoa hồng môi giới từ một tài khoản khách hàng vượt quá 60% tổng số tiền gửi cho tài khoản này, hoa hồng có thể được điều chỉnh tùy theo lựa chọn của Công ty không vượt quá 60% tổng số tiền gửi cho tài khoản này.

7.9. Hoa hồng môi giới không được vượt quá 50% vốn chủ sở hữu trung bình của tất cả cho tài khoản khách hàng trong báo cáo tháng. Vốn chủ sở hữu trung bình được tính như sau:

$$E = \frac{\sum E_1 + E_2}{2}, \text{ trong đó}$$

E - Vốn chủ sở hữu trung bình,

E1 - Vốn chủ sở hữu vào đầu tháng cho tài khoản tất cả khách hàng,

E2 - Vốn chủ sở hữu cho đến cuối tháng cho tài khoản tất cả khách hàng.

7.10 Hoa hồng được xác định trong p. 7.1. là loại phí duy nhất do Công ty trả cho 1 IB.

Không có phí khác cho yêu cầu bồi thường của 1 IB.

7.11. Hoa hồng môi giới được thanh toán theo đồng đô la Mỹ không phân biệt giới thiệu khách hàng môi giới theo loại tài khoản tiền tệ của khách hàng.

7.12. Hoa hồng Đối tác từ các khách hàng sử dụng tùy chọn «Tỷ giá cố định» được tính theo công thức sau: tổng số hoa hồng Đối tác nhận được từ các khách hàng đó x (tỷ giá cố định/ tỷ giá thực tế).

7.13. Nạp/rút tiền từ tài khoản môi giới được thực hiện trong dự kiến của hệ thống thanh toán đang sử dụng. Trong trường hợp nhận hoa hồng môi giới từ tài khoản khách hàng gửi qua thẻ ghi nợ/tín dụng, thời gian có thể kéo dài lên đến 45 ngày làm việc và có thể gia hạn nếu cần thiết theo thông báo của Công ty.

7.14. Trong trường hợp đặc biệt, Công ty có quyền đơn phương xác định các phương pháp có sẵn cho việc rút hoa hồng của IB.

7.15. Công ty bảo lưu quyền thay đổi hoa hồng và phí môi giới giới thiệu phù hợp với p. 10.3 của Hiệp định.

7.16. Trong trường hợp xảy ra số dư cố định (Balance fixed) trên tài khoản của khách hàng, Công Ty có quyền trừ số tiền mà công ty đã đền bù vào tổng số tiền hoa hồng Đối Tác cho giao dịch của khách hàng này mà đã được trả vào cùng ngày xảy ra số dư cố định.

8. Thời hạn có hiệu lực

- 8.1. Hợp đồng này có hiệu lực sau khi được chấp thuận bởi IB trên website Công ty.
- 8.2. Thời gian có hiệu lực của Hợp đồng này là 12 tháng kể từ ngày được chấp thuận. Công ty có thể yêu cầu xem bản Hợp đồng đã được ký bất kỳ lúc nào.
- 8.3. Trong trường hợp không bên nào quyết định kết thúc Hợp đồng này 30 ngày trước ngày hết hiệu lực, Hợp đồng này sẽ được coi là kéo dài vô thời hạn.

9. Trường hợp bất khả kháng

- 9.1. Không bên nào phải chịu trách nhiệm cho việc không hoàn thành 1 phần hoặc toàn bộ cam kết trong trường hợp gây ra bởi các sự kiện bất khả kháng (tình trạng bất ổn dân sự, chiến tranh, khởi nghĩa, sự can thiệp của quốc tế, hành động của chính phủ bao gồm nhưng không giới hạn ở kiểm soát trao đổi, tịch thu, quốc hữu hóa, phá giá, thiên tai và các sự kiện không thể tránh khỏi khác. Không phụ thuộc vào ý chí của bất kỳ bên nào).
- 9.2. Bên nào vì các sự kiện bất khả kháng mà không thể thực hiện cam kết phải thông báo cho bên kia về sự việc này bằng văn bản trong vòng 5 ngày sau khi những sự kiện này xảy ra.
- 9.3. Sự việc xảy ra phải được xác nhận bởi một cơ quan thích hợp hoặc một tổ chức ở nước cư trú của bên đó. Việc không thông báo cho bên còn lại kịp thời sẽ không được coi là cơ sở để từ bỏ trách nhiệm.
- 9.4. Trong trường hợp quá 6 tháng mà bên đó không thể thực hiện cam kết, Hợp đồng sẽ coi như bị hủy bỏ.

10. Các điều kiện khác

- 10.1. Trong trường hợp nảy sinh tranh cãi giữa Khách hàng và IB, ý kiến của Công ty sẽ là quyết định cuối cùng.
- 10.2. Trong trường hợp việc thiếu các yêu cầu để thực hiện cam kết đến từ một bên, bên kia cũng không từ bỏ được trách nhiệm như đã quy định trong Hợp đồng, hoặc điều này cũng không có nghĩa được chối bỏ nghĩa vụ.
- 10.3. Một IB chấp nhận rằng Công ty có quyền chỉnh sửa 1 số điều kiện của Hợp đồng này bất kỳ lúc nào. IB chấp nhận nghĩa vụ kiểm tra tất cả các sửa đổi trong Hợp đồng này.
- 10.4. Một trong những phương tiện giao tiếp dưới đây sẽ được coi là thông báo bằng văn bản:
 - 10.4.1. Email
 - 10.4.2. Thư bình thường
 - 10.4.3. Thông báo trong phần “Tin tức” (Company news) trên website Công ty.
- 10.5. Công ty sẽ sử dụng thông tin liên lạc như địa chỉ, email của IB đã khai trong quá trình đăng ký hoặc thông tin liên lạc gần nhất mà IB cung cấp.
- 10.6. Bất kỳ tin nhắn nào (tài liệu, chú ý, thông báo, xác nhận, báo cáo...) sẽ được coi là đã nhận được bởi IB:
 - 10.6.1. 1 tiếng sau khi email được gửi;
 - 10.6.2. 7 ngày sau khi thư thông thường được gửi;
 - 10.6.3. 1 tiếng sau khi thông tin được đăng trên website Công ty.
- 10.7. IB có trách nhiệm thông báo cho Công ty về bất kỳ thay đổi nào về thông tin liên lạc đã khai khi đăng ký trong vòng 5 ngày làm việc. Thông báo có thể gửi bằng email, thư thông thường hoặc bất kỳ phương tiện giao tiếp nào có thể đảm bảo rằng:

10.7.1. Thông tin đến đúng giờ;

10.7.2. Thông tin được cung cấp bởi chính IB.

10.8. Bất kỳ bên nào đều có quyền đơn phương ngoài pháp lý hủy bỏ Hợp đồng này và phải thông báo trước cho bên còn lại không ít hơn 30 ngày trước đó.

10.9. Hợp đồng này có thể được hủy bỏ theo pháp lý nếu 1 trong 2 bên yêu cầu trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc vi phạm nghiêm trọng các điều khoản và điều kiện bởi bên kia, hoặc trong bất kỳ trường hợp nào khác theo pháp luật hiện hành.

Với việc chấp nhận Hợp đồng này, IB xác nhận rằng:

IB đã đọc và hiểu Hợp đồng.

Hiểu và hoàn toàn đồng ý với tất cả các điều kiện của Hợp đồng.

Không tình huống nào có thể ngăn cản IB chấp nhận Hợp đồng này.

[Quay lại Mục Lục](#)

Thỏa Thuận CopyTrade

Khi sử dụng nền tảng CopyTrade, bạn đồng ý tuân thủ các điều khoản và điều kiện sau đây. Đây là thỏa thuận pháp lý giữa bạn và FBS Markets Inc để sử dụng trang web, dữ liệu nền tảng giao dịch điện tử của FBS Markets Inc (CopyTrade) và các sản phẩm và dịch vụ bạn đã chọn hoặc bắt đầu, có thể bao gồm nền tảng giao dịch CopyTrade cũng như các nhà cung cấp tín hiệu. Nền tảng Copytrade là một hệ thống tự động giao dịch. Nền tảng CopyTrade nhận các tín hiệu giao dịch từ bên thứ ba cung cấp tín hiệu (các Trader) . Sau khi nhận được tín hiệu, FBS Markets Inc xác thực tín hiệu và xác nhận xem tín hiệu có phù hợp với cài đặt và tùy chọn tài khoản của Nhà Đầu Tư hay không. Nếu tín hiệu được chấp nhận, FBS Markets Inc sẽ gửi tín hiệu giao dịch để khớp lệnh.

1. Các Điều Khoản

Các điều khoản được sử dụng trong Thỏa Thuận này được giải thích như sau Nếu một số điều khoản không được giải thích trong Thỏa Thuận này, thì sẽ được giải thích theo "Thỏa Thuận Khách Hàng" của FBS Markets Inc

1.1 Công ty – FBS Markets Inc. Địa chỉ: 2118 Guava Street, Belize Belama Phase 1, Belize City, Belize

1.2 Khách hàng: là một cá nhân hay một công ty đã ký kết Thỏa Thuận Khách Hàng tương ứng với Công Ty và có một tài khoản giao dịch đang mở.

1.3 CopyTrade: là một nền tảng đầu tư hỗ trợ sao chép giao dịch do Công Ty cung cấp.

1.4 Trader – là khách hàng của Công Ty đã đăng ký tài khoản Trader. Các hoạt động giao dịch trên tài khoản của Trader là tín hiệu để khớp lệnh trên tài khoản của Nhà Đầu Tư.

1.5 Nhà Đầu Tư: là khách hàng của Công Ty với tư cách Nhà Đầu Tư, họ sao chép các lệnh của Trader và nhận % từ lợi nhuận của Trader.

1.6 Chào Giá - một dạng chào giá công khai của Trader bằng hình thức điện tử, theo đó Nhà Đầu Tư có thể đăng ký để sao chép các tín hiệu giao dịch. Chào giá không được xem như một thỏa thuận chính thức giữa Nhà Đầu tư và Trader vì nó chỉ trình bày các điều khoản về sự hợp tác của họ trong khuôn khổ của Copytrade.

2. Tuyên Bố Rủi Ro

2.1 Nhà Đầu Tư và Trader chấp nhận thực tế rằng sử dụng Copytrade gắn liền với rủi ro. Nhà Đầu Tư và Trader hoàn toàn chấp nhận các rủi ro về khả năng thua lỗ xuất phát từ hoạt động của Trader trong quá trình Chào Giá được chọn. Công Ty không hỗ trợ tư vấn đầu tư, cũng không có bất kỳ khuyến nghị nào về đầu tư cá nhân và/hoặc tư vấn cho Khách Hàng về giá trị của bất kỳ khoản đầu tư nào. Trader tự mình thực hiện các hoạt động giao dịch, trên chính tài khoản của họ, và tự chịu rủi ro.

2.2 Nhà Đầu Tư chấp nhận rủi ro thực tế rằng giá khớp lệnh trên tài khoản có thể khác với giá khớp lệnh trên tài khoản của Trader do cơ chế khớp lệnh thị trường. Công Ty không bù đắp khoản chênh lệch lãi/lỗ và tiền hoa hồng cho các giao dịch đó.

2.3 Nhà Đầu Tư chấp nhận các rủi ro liên quan đến việc Trader có thể không sở hữu giấy chứng nhận cho trình độ của họ.

2.4 Nhà Đầu Tư chấp nhận các rủi ro về khả năng thua lỗ vì lý do Trader có thể đóng lại một phần vị thế của họ, dẫn đến việc đóng lại vị thế hiện tại và ngay lập tức mở ra vị thế mới trên tài

khoản của Nhà Đầu Tư. Vị thế mới trên tài khoản của Nhà Đầu Tư sẽ có quy mô tương đương với vị thế mới của Trader.

2.5 Nhà Đầu Tư chấp nhận rủi ro rằng các yêu cầu về tổng mức ký quỹ margin đối với tài khoản của Trader và Nhà Đầu Tư có thể khác nhau.

2.6 Nhà Đầu Tư chấp nhận rủi ro về thua lỗ hay thất thoát lợi nhuận xuất phát từ việc làm tròn các giá trị khi sử dụng các thiết lập khối lượng linh hoạt trong quá trình sao chép các giao dịch của Trader.

2.7 Nhà Đầu Tư chấp nhận rủi ro thua lỗ hay thất thoát lợi nhuận xuất phát từ việc áp dụng sai các thiết lập sao chép hoặc do không thể sửa đổi các thiết lập sau khi kết nối với Chào Giá của Trader.

2.8 Trader chấp nhận rủi ro khi Nhà Đầu Tư có thể không có đủ kinh nghiệm và kiến thức, gây ảnh hưởng đến kết quả giao dịch trên tài khoản của Nhà Đầu Tư lẫn tiền hoa hồng cho Trader.

2.9 Trader chấp nhận rủi ro không nhận được tổng số tiền hoa hồng vì trên thực tế Nhà Đầu Tư có thể không có đủ tiền để thực hiện hoạt động đó. Công Ty không chịu trách nhiệm và không đền bù khoản tiền hoa hồng chênh lệch trong những trường hợp này.

2.10 Sự biến động và tính thanh khoản thấp trên thị trường Forex có thể cản trở việc thực hiện lệnh ở mức giá thuận lợi, hoặc ở tất cả. FBS Markets Inc sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ người nào về mọi tổn thất, thiệt hại, chi phí hay phí tổn (bao gồm nhưng không giới hạn các tổn thất về lợi nhuận, mất khả năng sử dụng, thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, do sự cố hay hậu quả của thiệt hại) phát sinh vì giao dịch không thể khớp lệnh được do các điều kiện thị trường. Trader chấp nhận rủi ro không nhận được tổng số tiền hoa hồng vì trên thực tế Nhà Đầu Tư có thể không có đủ tiền quỹ để khớp lệnh. Công Ty không chịu trách nhiệm và không đền bù khoản tiền hoa hồng chênh lệch trong những trường hợp này.

2.11 Công ty khuyến nghị Nhà Đầu Tư nên thận trọng khi sử dụng thiết bị di động để giao dịch hoặc nhận dữ liệu từ nền tảng CopyTrade. Thiết bị di động cầm tay phụ thuộc vào kết nối không dây, tùy thuộc vào giới hạn của mạng 3G, WiFi và mạng GPRS, và có thể không cung cấp cho Nhà Đầu Tư các chức năng như khi truy cập nền tảng CopyTrade từ trình duyệt web. FBS Markets Inc sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ người nào về mọi tổn thất, thiệt hại, chi phí hay phí tổn (bao gồm nhưng không giới hạn các tổn thất về lợi nhuận, mất khả năng sử dụng, thiệt hại trực tiếp, gián tiếp, do sự cố hay hậu quả của thiệt hại) xuất phát từ việc sử dụng thiết bị di động cầm tay của Nhà Đầu Tư.

3. Trách nhiệm của các bên

3.1 Trách nhiệm của Nhà Đầu Tư.

3.1.1 Tham gia vào CopyTrade với tư cách là Nhà Đầu Tư nghĩa là hoàn toàn đồng ý với Thỏa Thuận này. Nhà Đầu Tư xác nhận đã hiểu rõ Thỏa Thuận Khách Hàng, Thỏa Thuận này, và các điều khoản của Chào Giá mà mình chọn.

3.1.2 Nhà Đầu Tư chấp nhận rằng khả năng sinh lợi của Trader trong quá khứ không bảo đảm đem lại kết quả tương tự trong tương lai.

3.1.3 Nhà Đầu Tư chấp nhận rằng số tiền ký quỹ tối thiểu được nêu trong Chào Giá của Trader chỉ là ngưỡng ký quỹ thấp nhất để có thể liên kết với Chào Giá của Trader.

3.1.4 Nhà Đầu Tư chấp nhận rằng Trader có thể dùng bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Các Trader thực hiện các hoạt động giao dịch bằng tiền của họ; họ không nhận ủy thác vốn từ Nhà Đầu Tư cũng như hỗ trợ tư vấn.

3.1.5 Nhà Đầu Tư có trách nhiệm đảm bảo bản thân có đủ nguồn vốn để thực thi lệnh giao dịch và duy trì vị thế bất kể việc lệnh giao dịch được sao chép, được mở bằng cách thủ công hay thông qua Expert Advisor.

3.1.6. Trader có thể thay đổi số tiền hoa hồng của tài khoản CopyTrade bất kỳ lúc nào mà không cần phải tạm dừng hoạt động của nó. Thay đổi tiền hoa hồng không ảnh hưởng đến các khoản đầu tư hiện đang được mở trên tài khoản này; số tiền hoa hồng mới chỉ áp dụng cho các khoản đầu tư mới được mở trên tài khoản.

3.2 Trách nhiệm của Trader.

3.2.1 Tham gia vào CopyTrade với tư cách là Trader nghĩa là hoàn toàn đồng ý với Thỏa Thuận này. Trader xác nhận đã hiểu rõ Thỏa Thuận Khách Hàng, Thỏa Thuận này, và các điều khoản của Chào Giá mà mình chọn.

3.2.2 Trader xác nhận rằng kinh nghiệm giao dịch và các kỹ năng thực tế của mình cho phép họ thực hiện các hoạt động giao dịch nhằm cung cấp tín hiệu giao dịch cho Nhà Đầu Tư.

3.2.3 Trader chấp nhận rằng sự thiếu thông tin hay hiểu sai về Thỏa Thuận này và/hoặc các điều kiện trong Chào Giá không miễn trừ bản thân họ khỏi trách nhiệm đối với kết quả tài chính trong hoạt động giao dịch của bản thân và/hoặc các rủi ro.

3.2.4 Trader chấp nhận rủi ro rằng giá khớp lệnh trên tài khoản của Nhà Đầu Tư có thể khác với giá khớp lệnh trên tài khoản của mình. Công Ty không bù đắp khoản chênh lệch tiền hoa hồng của Trader cho các giao dịch đó.

3.2.5 Trader chấp nhận rằng Nhà Đầu Tư có thể đóng và chỉnh sửa các giao dịch đã sao chép từ Trader trên tài khoản của họ. Công Ty không chịu trách nhiệm và không bù đắp khoản tiền hoa hồng chênh lệch của Trader cho các giao dịch đó.

3.3 Trách nhiệm của Công Ty.

3.3.1 Công Ty phải cung cấp cho người sử dụng CopyTrade gói dịch vụ hoàn chỉnh theo Thỏa Thuận Khách Hàng. Công Ty chịu trách nhiệm thực hiện đúng các giải pháp công nghệ theo Thỏa Thuận Khách Hàng.

3.3.2 Công Ty không chịu trách nhiệm với khách hàng tham gia nền tảng CopyTrade khi lợi nhuận bị thất thoát hay thua lỗ, bắt nguồn trực tiếp hay gián tiếp từ hoạt động giao dịch, dù được hoặc không được Nhà Đầu Tư hay Trader thực hiện.

3.3.3 Công Ty không chịu trách nhiệm với khách hàng tham gia nền tảng CopyTrade đối với việc lợi nhuận bị thất thoát hay thua lỗ, bắt nguồn trực tiếp hay gián tiếp từ việc khách hàng bỏ qua thông tin về các tài liệu quy định hoặc phương thức hợp tác.

3.3.4 Công Ty không đánh giá kỹ năng chuyên môn và tính phù hợp của Trader dựa trên một giai đoạn hoạt động nào của họ và cũng không chịu trách nhiệm với Nhà Đầu Tư về các thua lỗ hay thất thoát lợi nhuận có thể phát sinh.

3.3.5 Công Ty không chịu trách nhiệm pháp lý đối với:

a) Trader vô tình hay cố ý không tuân theo lợi ích của Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, Nhà Đầu Tư phải chịu tất cả rủi ro có thể xảy ra.

b) Trader gian lận đối với quỹ Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, Nhà Đầu Tư phải chịu tất cả rủi ro có thể xảy ra.

c) Trader mất truy cập vào tài khoản giao dịch của họ, cũng như một bên thứ ba truy cập được vào những tài khoản này. Trong trường hợp này, Trader phải chịu tất cả rủi ro có thể xảy ra.

d) Nhà Đầu Tư mất truy cập vào tài khoản giao dịch của họ, cũng như một bên thứ ba truy cập được vào những tài khoản này. Trong trường hợp này, Nhà Đầu Tư phải chịu tất cả rủi ro có thể xảy ra.

e) Sự cố trì hoãn không dự đoán trước khi rút hay chuyển tiền vốn giữa nhiều tài khoản (nếu sự trì hoãn xảy ra không do lỗi của Công Ty).

f) Các sự cố trục trặc kỹ thuật nếu chúng xảy ra không do lỗi của Công Ty, mà do đối tác Công Ty hay các bên khác không phải là nhân viên của Công Ty.

g) Các khoản thua lỗ của Nhà Đầu Tư xảy ra trong quá trình Công Ty tiến hành hoạt động bảo trì máy chủ.

4. Giải quyết tranh chấp

4.1. Trong trường hợp người tham gia nền tảng CopyTrade không hài lòng với bất kỳ khía cạnh nào nền tảng, họ có quyền gửi đơn khiếu nại căn cứ theo quy định tại Thỏa Thuận Khách Hàng của FBS Markets Inc.

4.2 Đơn khiếu nại sẽ không được xem xét nếu nó không phù hợp với quy định của Thỏa Thuận Khách Hàng.

4.3 Đơn khiếu nại sẽ được xem xét và quyết định dựa trên Thỏa Thuận Khách Hàng của FBS Market Inc và Thỏa Thuận này.

5. Áp dụng Thỏa Thuận CopyTrade của FBS Markets Inc

5.1 Thỏa Thuận CopyTrade này có hiệu lực với cả Công Ty lẫn khách hàng của họ kể từ ngày mở tài khoản giao dịch. Ngày kết thúc của tài liệu này trùng với ngày kết thúc của Thỏa Thuận Khách hàng.

5.2 Trong trường hợp phát sinh xung đột giữa các quy định của Thỏa Thuận này, Thỏa Thuận Khách Hàng hoặc văn bản quy định khác của Công Ty thì các điều khoản nêu ở văn bản này sẽ được ưu tiên áp dụng trước so với điều khoản nêu ở các văn bản quy định khác.

5.3 CopyTrade là dự án do Công Ty tự thiết kế. Các điều khoản và cách thức tính toán có thể không giống với điều khoản dịch vụ tương tự khác trong ngành.

5.4 Công Ty có quyền sửa đổi các mục của Thỏa Thuận này bất cứ lúc nào. Sửa đổi có hiệu lực và trở thành bắt buộc đối với Khách Hàng vào ngày được chỉ định trong tin nhắn thông báo đã nhận.

6. Sở hữu trí tuệ

Tất cả tài sản sở hữu trí tuệ của Công Ty bao gồm nhưng không giới hạn các bản quyền, nhãn hiệu, bằng sáng chế, dấu hiệu dịch vụ, tên thương mại, mã phần mềm, biểu tượng, logo, ký tự, bố cục, bí mật thương mại, nút, bảng màu và đồ họa. Độc quyền sở hữu trí tuệ của chúng tôi được bảo vệ bởi luật và hiệp hội sở hữu trí tuệ địa phương và quốc tế bao gồm tất cả luật và quy định về bản quyền. Bạn không được dùng những hình ảnh này ngoài mục đích mà Công Ty đã xác định. Bạn không được phép sử dụng bất kì hình ảnh và/hoặc nội dung nào của chúng tôi cho những mục đích khác mà không có sự đồng thuận trước bằng văn bản. Không có thành phần nội dung nào trên website của chúng tôi được coi như cấp quyền hay cho phép sử dụng các dấu hiệu thương mại, bằng ngụ ý hay cách nào khác, mà không có sự đồng thuận bằng văn bản của chúng tôi hoặc chủ sở hữu các dấu hiệu đó. Trừ khi được nêu rõ ở đây, nếu không có văn bản cho phép trước của chúng tôi, bạn không được phép thay thế, sửa đổi, sao chép, phân phối hoặc khai thác thương mại các tài liệu nào, bao gồm văn bản, hình ảnh đồ họa, video, âm thanh, mã phần mềm, thiết kế giao diện người dùng hoặc logo từ văn bản này hoặc bất kì trang web nào của chúng tôi.

[Quay lại Mục Lục](#)

Thuật Ngữ và Khái Niệm Chung

Giá bán (ASK)	Giá cao nhất trong danh sách giá, tại giá đó Khách hàng có thể mua
Mua bán chênh lệch giá	Chiến lược giao dịch sử dụng lệnh Arbitrage
Lệnh Arbitrage	<p>Một tài sản được mua ở một thị trường và cùng thời điểm ấy vật tương tự được bán tại thị trường khác. Sự khác nhau về giá trị của tài sản được cố định ở chênh lệch giá. Vì vậy khi dùng chiến lược này, dù danh mục đầu tư tiến độ thị trường tương lai có như nào thì giá trị vẫn giữ ở khoảng cố định (vì được bù trừ bởi những lệnh giao dịch song song)</p> <p>Một lệnh được coi là giao dịch chênh lệch giá khi nó chỉ có bán (mua) 1 loại tài sản tài chính tại một thị trường mà không mua (bán) thứ tương tự ở một thị trường khác, nếu có một khoảng lệch đáng kể giữa giá của 2 thị trường kết nối này tại thời điểm mở hoặc đóng một lệnh.</p>
Giá mua (BID)	Giá nhỏ nhất trong danh sách giá, giá mà tại đó Khách hàng có thể bán
Cơ sở dữ liệu giá	Thông tin về dòng giá
Đồng tiền chính	Đồng tiền đầu tiên trong việc xác định cặp tiền tệ mà Khách hàng có thể mua hoặc bán cho đồng tiền định giá
Số dư (Balance)	Kết quả tài chính cuối cùng của tất cả các giao dịch và vận hành không giao dịch trên tài khoản giao dịch
Cột (bar)	Một thành phần của biểu đồ giao dịch gồm giá mở và đóng cũng như giá cao nhất và thấp nhất trong 1 khoảng thời gian xác định
Thị trường nhanh	<p>Điều kiện thị trường khi trong 1 khoảng thời gian ngắn xảy ra thay đổi tỷ giá đột ngột. Thông thường, “thị trường nhanh” đi kèm với những khoảng cách giá. Nó xảy ra ngay trước và/hoặc sau 1 hoặc 1 vài sự kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bắt đầu chiến tranh hoặc những hành động quân sự; • Phát hành chỉ số kinh tế của các quốc gia có nền kinh tế có ảnh hưởng lớn tới kinh tế thế giới; • Tuyên bố quyết định về tỷ lệ lãi suất bởi các ngân hàng trung ương và những ủy ban trực thuộc; • Những bài phát biểu và họp báo bởi các Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, các Bộ trưởng Tài chính và tổng thống của các nước có nền kinh tế lớn ảnh hưởng tới kinh tế thế giới; • Can thiệp về tiền tệ bởi các tổ chức nhà nước; • Hành động khủng bố ở mức quốc gia; • Các thảm họa thiên nhiên dẫn tới phải thi hành những luật lệ khẩn cấp (hoặc một số luật lệ giới hạn tương tự) tại lãnh thổ của nạn nhân;

- Các sự kiện chính trị hoặc bất khả kháng; từ chức và bổ nhiệm (bao gồm cả kết quả của bầu cử) của đại diện các cơ quan của chính phủ;
- Những sự kiện khác có ảnh hưởng đáng kể tới vận hành của 1 tỷ lệ công cụ.

Đồng tiền định giá	Đồng tiền thứ 2 trong việc xác định 1 cặp tiền tệ mà Khách hàng có thể mua hay bán đồng tiền chính
Cặp tiền tệ	Một khối lượng vận hành giao dịch, là cơ sở để tính giá trị của 1 tiền tệ bằng đơn vị tiền tệ khác
Giá trị Trailing Stop	1 thông số Trailing Stop thiết lập bởi Khách hàng
Hết hạn	Sự kết thúc thời gian giao dịch được ấn định cho việc giao dịch một tài sản cụ thể, khi qua thời gian này, việc giao dịch trên các hợp đồng tương ứng không thể được tiếp tục.
Loại tài khoản	Tổng hợp các điều kiện và dịch vụ đưa ra cho Khách hàng được hình thành trên cơ sở khoản đặt cọc nhỏ nhất. Mỗi loại tài khoản có 1 khoản đặt cọc nỏ nhất. Khoản đặt cọc lớn nhất phụ thuộc vào lựa chọn đòn bẩy
Thời gian của sàn giao dịch	Múi giờ được sử dụng để xác định bất kỳ sự kiện nào trên log-file của máy chủ
Bảng (Chart)	Dòng giá hiển thị ở dạng biểu đồ. “High” với mỗi cột là giá mua cao nhất trong 1 khoảng thời gian, “Low” - giá mua thấp nhất, giá đóng cửa – giá mua cuối cùng của 1 cột, giá mở - giá mua đầu tiên của 1 cột
Giao dịch viên	Một Công ty mà Khách hàng đã có thỏa thuận, thiết lập cơ sở pháp lý để thực hiện các vận hành giao dịch với điều kiện của giao dịch ký quỹ Một máy chủ giao dịch và/hoặc một nhân viên công ty – người xử lý các yêu cầu và lệnh của Khách hàng, thực hiện lệnh, stop out và margin call
Vị trí mua	Công cụ mua với kỳ vọng giá sẽ tăng. Áp dụng với những cặp tiền tệ: mua đồng tiền chính cho đồng tiền định giá
Vị trí đóng	Kết quả của phần thứ hai của 1 giao dịch hoàn thành
Yêu cầu	Hướng dẫn của Khách hàng cho Giao dịch viên để nhận giá. Một yêu cầu không bắt buộc Khách hàng phải thực hiện lệnh
Công cụ	Một cặp tiền tệ hoặc hợp đồng chênh lệch
Lịch sử tài khoản	Danh sách các giao dịch hoàn thành và các tài khoản không giao dịch
Khách hàng	Một pháp nhân hoặc một cá nhân có thỏa thuận với Giao dịch viên để thực hiện giao dịch thỏa mãn điều kiện giao dịch ký quỹ
Thiết bị giao dịch Khách hàng	Sản phẩm phần mềm MetaTrader 4.0 – công cụ giúp Khách hàng nhận thông tin về việc mua tại các thị trường tài chính (trong phần khối lượng xác định bởi Công ty) trực tuyến, thực hiện phân tích kỹ thuật thị trường, thực hiện các giao dịch, nộp, thay đổi, xóa cũng như nhận tin nhắn từ Giao dịch viên và Công ty. MetaTrader 4.0 có sẵn và miễn phí ở trang web của công ty

Vị trí bán	Bán của một công cụ với mong đợi của giảm tỷ lệ. Áp dụng đối với cặp ngoại tệ bán đồng tiền cơ bản đối với đồng tiền báo giá.
Hợp đồng chênh lệch	Việc thực hiện vận hành giao dịch dựa trên sự thay đổi về cơ sở của một tài sản cơ sở (tài sản đó là cơ sở của hợp đồng chênh lệch) mà có thể là một cổ phần, hợp đồng tương lai, các kim loại quý, chỉ số chứng khoán, vv.
Đặt giá	Quá trình đưa ra giá để thực hiện lệnh cho Khách hàng
Đòn bẩy	Tỷ lệ giữa khoản khối lượng đảm bảo và khối lượng giao dịch
Tỷ lệ	1) Đối với 1 cặp tiền tệ: giá trị của đồng tiền chính thể hiện bằng đơn vị là đồng tiền định giá 2) Đối với 1 hợp đồng chênh lệch: giá trị của 1 đơn vị tài sản cơ sở thể hiện ở dạng tiền tệ
Log-file của Khách hàng	File tạo ra bởi thiết bị giao dịch của Khách hàng ghi lại những yêu cầu và lệnh theo từng giây của Khách hàng gửi tới Giao dịch viên
Log-file của máy chủ	File tạo ra bởi máy chủ ghi lại những yêu cầu và lệnh được nhận từ Khách hàng tới Giao dịch viên cũng như kết quả của quá trình xử lý chúng
Lot	Một khái niệm trừu tượng để xác định số lượng cổ phần, hàng hóa, đồng tiền chính được chấp nhận tại sàn giao dịch
Ký quỹ cho những vị trí khóa	Vật đảm bảo được yêu cầu bởi Giao dịch viên để mở và duy trì những vị trí khóa. Ký quỹ này được ghi trong phần chỉ dẫn kỹ thuật của hợp đồng cho mỗi công cụ
Giao dịch kí quỹ	Việc thực hiện vận hành giao dịch sử dụng đòn bẩy, khi Khách hàng có thể giao dịch với 1 khoản vượt quá quỹ của mình rất nhiều
Kí quỹ ban đầu	Quỹ được yêu cầu bởi Giao dịch viên như một vật đảm bảo cho những vị trí mở và được ghi rõ trong chỉ dẫn kỹ thuật của hợp đồng của mỗi công cụ
Kí quỹ cần thiết	Khoản tiền đảm bảo được yêu cầu bởi Giao dịch viên để hỗ trợ những vị trí mở và được nêu rõ trong chỉ dẫn kỹ thuật của hợp đồng của mỗi công cụ
Giá off-market	Sự xuất hiện chênh lệch giá đáng kể ; <ul style="list-style-type: none"> • Giá hồi phục trong 1 thời gian ngắn tới 1 mức ban đầu tạo ra chênh lệch giá ; • Thiếu 1 biến động nhanh về giá trước khi giá này xuất hiện ; • Tại thời điểm xuất hiện giá, không có sự kiện kinh tế vĩ mô nào và/hoặc tin doanh nghiệp có thể ảnh hưởng đáng kể tới tỷ lệ công cụ • Công ty có quyền bỏ những thông tin về giá off-market khỏi cơ sở dữ liệu về giá của máy chủ
Hoạt động phi giao dịch	Hoạt động ký quỹ một tài khoản (rút quỹ từ 1 tài khoản) hoặc cấp (giải ngân) một khoản tín dụng
Thị trường thông thường	“Điều kiện thị trường bình thường”
Lệnh	Hướng dẫn mở hoặc đóng 1 vị trí của Khách hàng khi giá đạt tới mức đặt lệnh

Vị trí mở	Kết quả phần đầu tiên của 1 giao dịch đã hoàn thành
Mở cửa thị trường	Sự mở lại giao dịch sau các dịp cuối tuần, kỳ nghỉ hoặc sau 1 ca nghỉ giữa các phiên giao dịch
Lệnh chờ	Hướng dẫn của Khách hàng nhằm mở 1 vị trí khi giá đạt tới mức đặt lệnh
Lãi/lỗ trôi nổi	Lãi/lỗ không cố định cho những vị trí mở tại giá trị tỷ lệ hiện tại
Giao dịch đã hoàn thành	Bao gồm 2 hoạt động giao dịch ngược chiều với những khối lượng như nhau (mở và đóng 1 vị trí) : mua và bán tương ứng
Dòng giá	Thứ tự giá cho mỗi công cụ ở sàn giao dịch
Giá dòng	Phương pháp đưa ra giá tới Khách hàng mà không có yêu cầu. Khi Khách hàng xem dòng giá trực tuyến của Giao dịch viên, Khách hàng có thể nộp lệnh thực hiện giao dịch bất cứ lúc nào
Point	Một đơn vị nhỏ kém quan trọng nhất trong 1 tỷ lệ
Cỡ lot	Khối lượng cổ phần, hàng hóa, đồng tiền chính trong 1 lot được cố định trong chỉ dẫn kỹ thuật của hợp đồng
Nhà phát triển	Công ty Phần mềm MetaQuotes - nhà phát triển sàn giao dịch
Lệnh	Hướng dẫn của Khách hàng tới Giao dịch viên nhằm mở/đóng 1 vị trí, địa điểm, xóa hoặc thay đổi một mức lệnh
Những điều kiện thị trường bất thường	Xem phần “thị trường mỏng” hoặc “thị trường nhanh”
Số tiền có thể giao dịch tiếp (Free margin)	Tiền ở tài khoản giao dịch, có thể sử dụng để mở những vị trí mới. Ký quỹ miễn phí được xác định bởi công thức $\text{Ký quỹ miễn phí} = \text{Equity} - \text{Ký quỹ}$
Máy chủ	Máy chủ phần mềm MetaTrader 4.0 xử lý yêu cầu và lệnh của Khách hàng, cung cấp thông tin trực tuyến về đặt giá trên những thị trường tài chính (trong khối lượng xác định bởi Công ty), ghi lại trách nhiệm giữa Khách hàng và Giao dịch viên cũng như theo dõi các điều kiện và giới hạn
Expert Advisor	Một chiến lược kiểm soát tài khoản giao dịch ở dạng phần mềm bằng ngôn ngữ đặc chủng MetaQuotes Language 4 và gửi yêu cầu và lệnh tới máy chủ bằng việc sử dụng thiết bị giao dịch của Khách hàng
Spike	Xem phần “Giá off-market”
Chỉ dẫn kỹ thuật của hợp đồng	Những điều kiện giao dịch chủ yếu (spread, cỡ lot, khối lượng tối thiểu của hoạt động giao dịch, các bước thay đổi khối lượng hoạt động giao dịch, ký quỹ ban đầu, ký quỹ cho những vị trí khóa,...) đối với mỗi công cụ
Tình huống gây tranh cãi	1) Tình huống khi Khách hàng tin rằng Giao dịch viên do những hành động hoặc việc không hành động của họ, vi phạm 1 hoặc 1 vài điều khoản của Thỏa thuận này;

2) Tình huống khi Giao dịch viên tin rằng Khách hàng do những hành động hoặc việc không hành động của họ, đã vi phạm 1 hoặc 1 vài điều khoản của Thỏa thuận này;

Spread	Chênh lệch giá bán và mua thể hiện bằng point
Tài khoản	Bản ghi các thông tin kế toán cá nhân và duy nhất của các hoạt động trên sàn giao dịch, phản ánh các giao dịch đã hoàn thành, các vị trí mở, hoạt động và lệnh phi giao dịch cũng như tình trạng số dư
Loại tài khoản	Các điều kiện và dịch vụ dành cho Khách hàng được hình thành trên cơ sở khoản đặt cọc tối thiểu. Có khoản đặt cọc tối thiểu cho từng loại tài khoản. Khoản đặt cọc tối đa phụ thuộc vào lựa chọn đòn bẩy
Mã xác nhận	Mã xác định duy nhất cho mỗi vị trí mở hoặc 1 lệnh chờ trên sàn giao dịch
Thị trường mỏng	Điều kiện thị trường khi trong 1 khoảng thời gian dài, giá vào thị trường ít hơn trong những điều kiện thị trường bình thường
Hoạt động giao dịch	Hoạt động mua hoặc bán bất kỳ công cụ nào của 1 Khách hàng
Sàn giao dịch	Các phần mềm và phần cứng cung cấp thông tin trực tuyến về sự đặt giá tại các thị trường tài chính, thực hiện các hoạt động giao dịch, ghi lại những trách nhiệm chung giữa Khách hàng và Giao dịch viên cũng như theo dõi những điều kiện và giới hạn. Đối với Thỏa thuận này, nó bao gồm “máy chủ” và “Thiết bị giao dịch của Khách hàng”
Tài khoản giao dịch	Bản ghi các hoạt động cá nhân và duy nhất trên sàn giao dịch, phản ánh các giao dịch đã hoàn thành, các vị trí mở, hoạt động và lệnh phi giao dịch
Mức lệnh	Giá được ghi tại một lệnh
Điều kiện bất khả kháng	Những sự kiện không thể lường trước hoặc ngăn chặn. Xem chi tiết ở mục 10. Những tình huống bất khả kháng của Thỏa thuận này
Giá vượt mức giá off-market	Giá đóng cửa của cột 1 phút vượt quá một cột 1 phút với giá off-market
Chênh lệch giá	Là 1 trong 2 trường hợp sau : <ul style="list-style-type: none"> • Giá mua hiện tại lớn hơn giá bán trước ; • Giá bán hiện tại nhỏ hơn giá mua trước ;
Chênh lệch giá lúc mở cửa thị trường	Là 1 trong 2 trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> • Giá mua lúc thị trường mở hôm nay lớn hơn giá bán lúc thị trường đóng hôm qua ; • Giá bán lúc thị trường mở hôm nay nhỏ hơn giá mua lúc thị trường đóng hôm qua
Lỗi dễ thấy	Việc mở/đóng vị trí của Khách hàng hoặc thực hiện lệnh của Khách hàng bởi Giao dịch viên tại 1 giá cao hơn đáng kể so với giá của công cụ trong dòng giá tại thời điểm đặt lệnh, hoặc bất kỳ hành động hoặc phi hành động nào của Giao dịch viên

	liên quan tới việc rõ ràng đã xác định sai mức giá trên thị trường tài 1 thời điểm cho trước
Giá bán	Giá cao hơn trong các giá. Giá tại đó Khách hàng có thể mua
Giá mua	Giá thấp hơn trong các giá. Giá tại đó Khách hàng có thể bán
Tiền hiện có trong tài khoản (Equity)	Số dư tài khoản hiện tại và được xác định bởi công thức Equity = Balance + Lãi trôi nổi - Lỗ trôi nổi
Ký quỹ phòng hộ (hedged margin)	Khoản đảm bảo để mở và duy trì những vị trí khóa được yêu cầu bởi Giao dịch viên. Khoản này được cố định ở chỉ dẫn kỹ thuật của hợp đồng đối với từng công cụ
Khóa	Xem phần “Những vị trí khóa”
Lệnh thị trường	Thực hiện lệnh của Khách hàng tại giá tốt nhất đem lại thanh khoản
Mua	Xem “Vị trí mua”
Bán	Xem “Vị trí bán”
Mức ký quỹ	Tỷ lệ giữa equity và ký quỹ cần thiết, thể hiện bằng đơn vị phần trăm (%) và được xác định bằng công thức sau: Mức ký quỹ = (Equity/Ký quỹ)*100%
Margin Call	Tình trạng tài khoản, khi Giao dịch viên có quyền nhưng không có trách nhiệm đóng tất cả các vị trí mở của Khách hàng vì thiếu free margin. Mức free margin gây ra margin call được nêu ra trong Thỏa thuận này
Chỉ dẫn kỹ thuật của hợp đồng	Các thuật ngữ giao dịch chính (spread, cỡ lot, khối lượng vị trí nhỏ nhất, ký quỹ ban đầu, ký quỹ cho những vị trí đóng,...) cho từng công cụ giao dịch
Stop out	Lệnh bắt buộc đóng 1 vị trí được tạo ra bởi máy chủ
Phí qua đêm (swap)	Lãi suất gia hạn hoặc qua đêm nhằm giữ các vị trí qua đêm. Swap có thể dương hoặc âm. Bảng giá trị swap cho từng công cụ có trên website của FBS
Trailing Stop	Chiến lược kiểm soát sau là cho 1 lệnh Stop Loss: <ul style="list-style-type: none"> • Không hành động gì nếu như lợi nhuận cho vị trí mở không vượt quá giá trị Trailing Stop; • ngay sau khi lợi nhuận của vị trí mở vượt quá giá trị Trailing Stop, hãy gửi lệnh tới máy chủ để nộp lệnh Stop Loss cách 1 khoảng là chênh lệch giữa giá trị Trailing Stop và giá hiện tại; • Ngay sau khi giá được nhận cách 1 khoảng (là chênh lệch giữa giá trị Trailing Stop và lệnh Stop Loss đã nộp), hãy gửi lệnh tới máy chủ để đổi mức đặt lệnh để nó sẽ là khoảng cách giữa Trailing Stop và giá hiện tại; • Trailing Stop chỉ hoạt động khi thiết bị giao dịch của Khách hàng được kích hoạt, kết nối với Internet và được ủy quyền thành công bởi máy chủ

[Quay lại Mục Lục](#)